

Số: /BC-SNV

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các Sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.**

Thực hiện Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4574/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Tổ thẩm định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022; trên cơ sở kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị; kết quả đánh giá của các thành viên Tổ Thẩm định, Sở Nội vụ báo cáo kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố như sau:

### **Phần thứ nhất**

## **TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Mục đích**

- Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) để theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành cấp tỉnh (gọi tắt là sở); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là huyện) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ CCHC bằng định lượng; trên cơ sở đó, so sánh, xếp hạng kết quả thực hiện CCHC hàng năm giữa các sở, ngành cấp tỉnh; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

- Thông qua Chỉ số CCHC, xác định rõ mặt mạnh, mặt yếu trong thực hiện CCHC, qua đó giúp cho các sở, các huyện có những điều chỉnh cần thiết về mục tiêu, nội dung và các giải pháp trong triển khai CCHC hàng năm, góp phần nâng

cao hiệu quả cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

## **2. Yêu cầu**

- Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021 - 2030, ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Việc xác định Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai cải cách hành chính theo chu kỳ năm ở các sở, các huyện.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở.

## **II. CẤU TRÚC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Chỉ số cải cách hành chính của các sở**

Chỉ số CCHC các sở, ngành cấp tỉnh gồm 07 nội dung với 40 tiêu chí và 64 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 06 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành: 04 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

c) Cải cách thủ tục hành chính: 07 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần.

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 03 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần.

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 09 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần.

e) Cải cách tài chính công: 05 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần.

g) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử: 06 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

### **2. Chỉ số cải cách hành chính của các huyện**

Chỉ số CCHC cấp huyện gồm 7 nội dung, với 40 tiêu chí và 84 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 07 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật tại cấp huyện: 04 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.

c) Cải cách thủ tục hành chính: 09 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần.

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 04 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 07 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần.

e) Cải cách tài chính công: 03 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

g) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử: 06 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần.

### **III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Đối tượng**

- Ở cấp tỉnh: có 20 sở, ban, ngành thuộc đối tượng xác định Chỉ số CCHC năm 2022; trong đó 03 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Ban Dân tộc và Thanh tra tỉnh thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng.

- Ở cấp huyện: 27 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố là đối tượng xác định Chỉ số CCHC năm 2022.

#### **2. Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số CCHC**

- Tự đánh giá: các sở, các huyện tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của sở, huyện và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện và hướng dẫn của Sở Nội vụ (kèm theo các tài liệu kiểm chứng). Các đơn vị tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm theo thang điểm đã quy định trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC tại địa chỉ: <http://chamdiem.thanhhoa.gov.vn>

- Tổ thẩm định tiến hành thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm của các sở, các huyện.

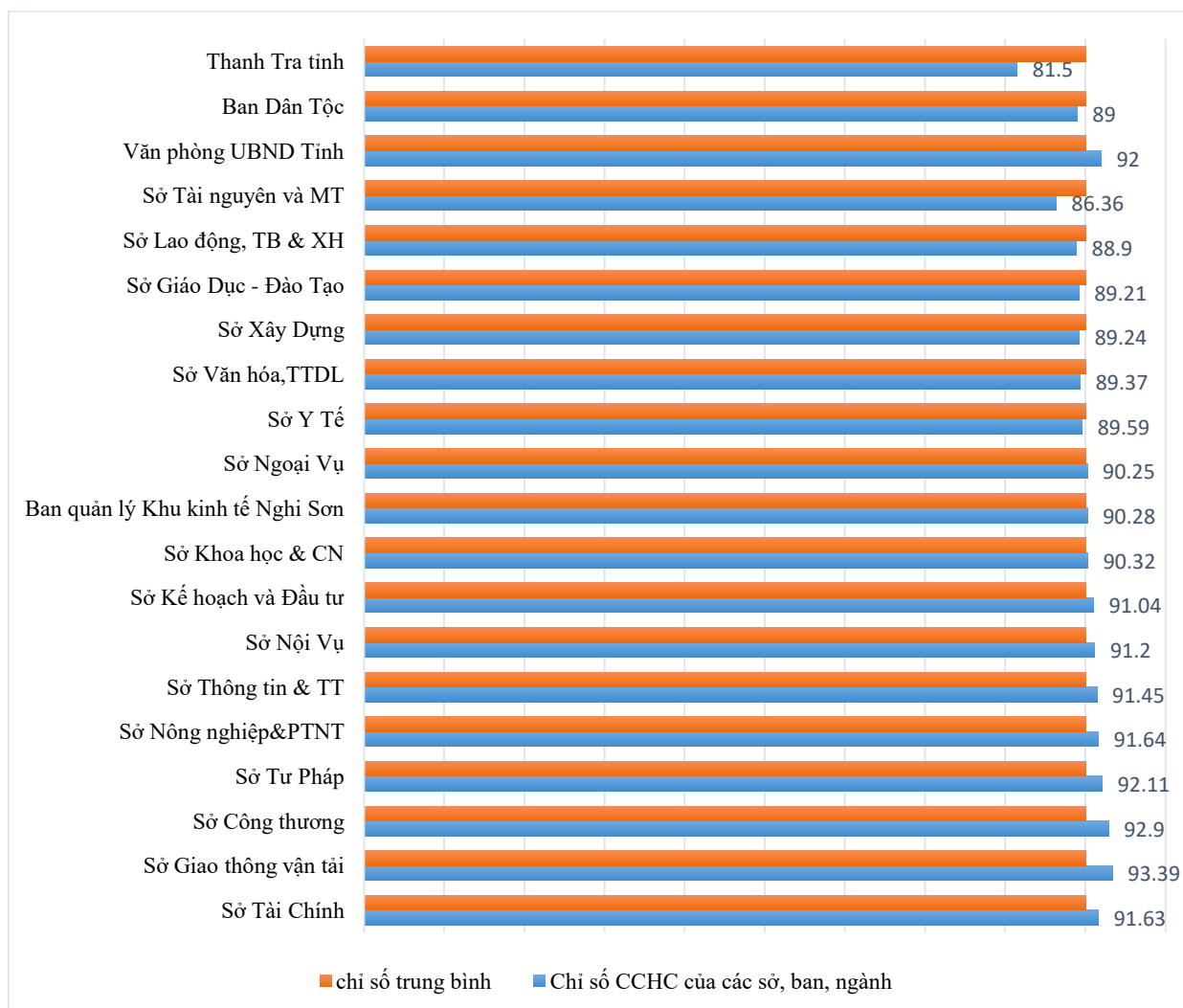
- Trên cơ sở tự đánh giá chấm điểm của các đơn vị và ý kiến thẩm định của các thành viên Tổ thẩm định, Sở Nội vụ tổng hợp và xây dựng báo cáo kết quả đánh giá xác định Chỉ số CCHC của các sở, các huyện trong tỉnh.

**Phần thứ hai****KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022****I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ****1. Chỉ số Tổng hợp****Bảng 1: Kết quả chỉ số CCHC các sở, ngành**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Đơn vị tự đánh giá</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Xếp hạng</b>	<b>Xếp loại</b>
Sở Giao thông vận tải	99,464	93,396	1	Xuất sắc
Sở Công thương	99,886	92,904	2	Xuất sắc
Sở Tư Pháp	100	92,11	3	Xuất sắc
Sở Nông nghiệp&PTNT	96,999	91,641	4	Xuất sắc
Sở Tài Chính	99,5	91,628	5	Xuất sắc
Sở Thông tin & TT	99,456	91,456	6	Xuất sắc
Sở Nội Vụ	100	91,2	7	Xuất sắc
Sở Kế hoạch và Đầu tư	96,659	91,049	8	Xuất sắc
Sở Khoa học & CN	98,162	90,327	9	Xuất sắc
Ban QL KKT Nghi Sơn	99	90,289	10	Xuất sắc
Sở Ngoại Vụ	99,25	90,25	11	Xuất sắc
Sở Y Tế	95,566	89,592	12	Tốt
Sở Văn hóa,TTDL	98	89,375	13	Tốt
Sở Xây Dựng	97	89,249	14	Tốt
Sở Giáo Dục - Đào Tạo	100	89,215	15	Tốt
Sở Lao động, TB & XH	96,47	88,9	16	Tốt
Sở Tài nguyên và MT	98,346	86,361	17	Tốt
Văn phòng UBND Tỉnh	100	92	Đơn vị không thực hiện	

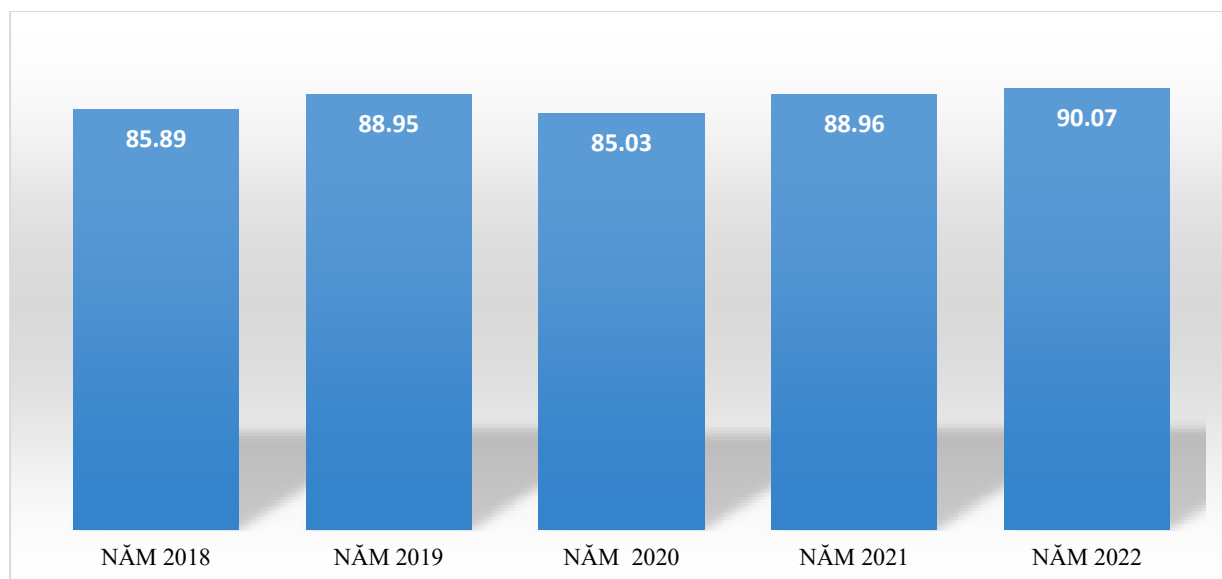
Tên đơn vị	Đơn vị tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp hạng	Xếp loại
Ban Dân Tộc	97,5	89	xếp hạng	
Thanh Tra tỉnh	97,1623	81,5		

***Biểu đồ 1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở.***



Nhìn chung, Chỉ số Cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ngành đã phản ánh rõ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của đơn vị đó. Hầu hết các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo yêu cầu, nhiệm vụ và chủ trương cải cách hành chính của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

**Biểu đồ 2. Giá trị trung bình chỉ số CCHC của các sở giai đoạn 2018 - 2022.**



Chỉ số CCHC trung bình của các sở, ngành so với số điểm tối đa (100) là 90,07%, đây là năm chỉ số trung bình cao nhất trong giai đoạn từ 2018 - 2022; trong đó, 11 đơn vị xếp loại xuất sắc từ 90% số điểm trở lên so với số điểm tối đa; 06 đơn vị xếp loại tốt có điểm số trên 86%; 03 đơn vị không thực hiện xếp loại theo Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Xếp loại xuất sắc, 09 đơn vị từ 90% số điểm trở lên so với số điểm tối đa (100) gồm: Sở Giao thông vận tải xếp vị trí đầu (với chỉ số đạt 93,39%), tiếp đến là Sở Công thương (92,90%); Sở Tư pháp (92,11%); Sở Nông nghiệp và PTNT (91,64%); Sở Tài chính (91,62%); Sở Thông tin và Truyền thông (91,45%); Sở Nội vụ (91,2%); Sở Kế hoạch và Đầu tư (91,04%); Sở Khoa học và Công nghệ (90,32%) và Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (90,28%).

- Xếp loại tốt, 06 đơn vị từ 86% số điểm trở lên so với số điểm tối đa gồm: Sở Y tế (89,59%); Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (89,37%); Sở Xây dựng (89,24%), Sở Giáo dục và Đào tạo (89,21%); Sở Lao động, thương binh và xã hội (88,90%); Sở Tài nguyên và môi trường (86,36%).

- Đơn vị không thực hiện xếp loại (03 đơn vị): Văn phòng UBND tỉnh; Ban Dân tộc và Thanh tra tỉnh.

Chỉ số CCHC năm 2022 tương đối đồng đều, giá trị trung bình đạt mức cao 90,16%; không có sự chênh lệch nhiều giữa đơn vị có điểm số cao nhất là Sở Giao Thông vận tải (93,4%) và đơn vị có điểm số thấp nhất là Thanh tra tỉnh (81,5%).

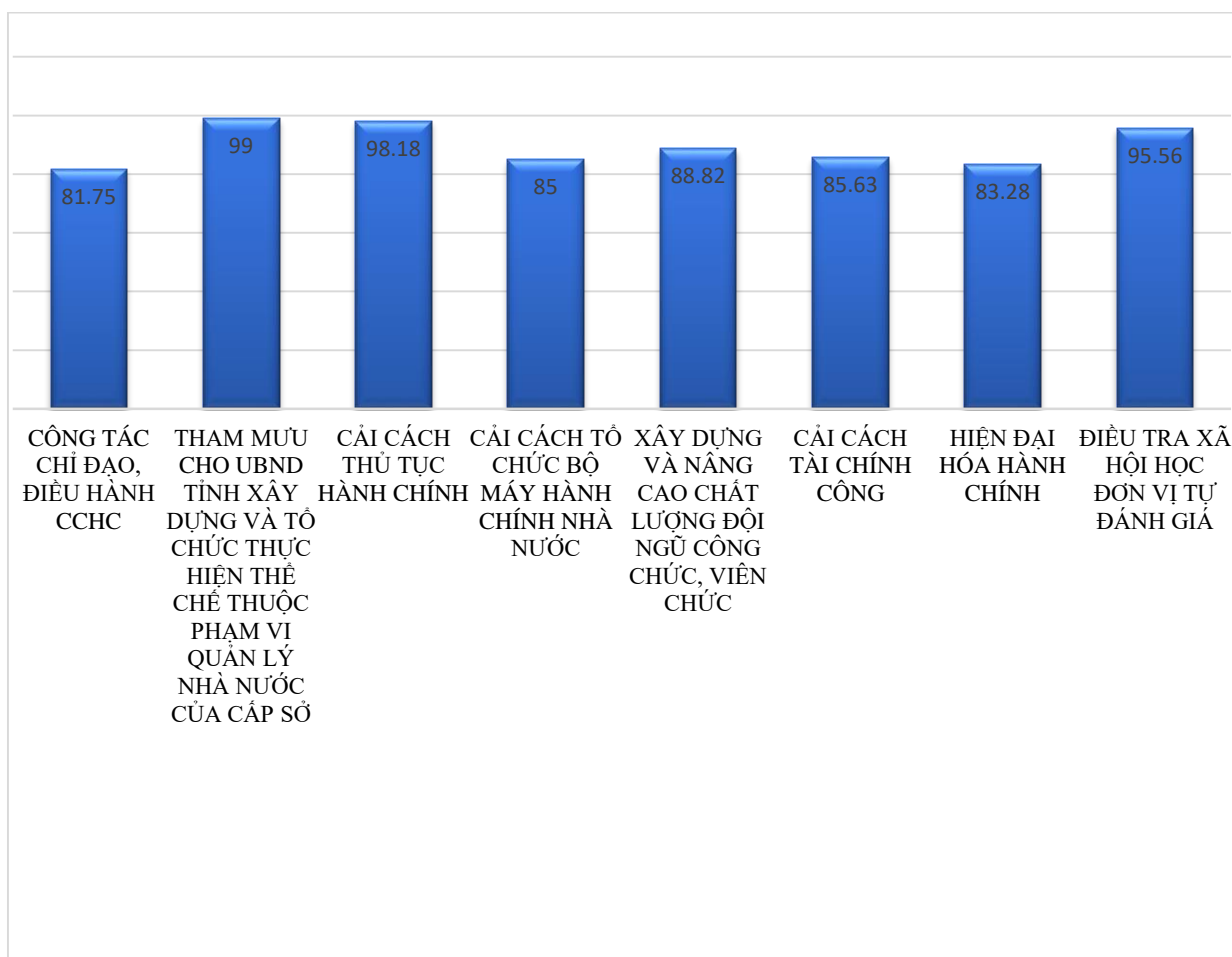
**Bảng 2: ĐIỂM THEO TỪNG TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC CẤP SỞ**

STT	Tên Đơn vị	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		THAM MUỘN CHO UBND TỈNH XD VÀ TC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH		ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐƠN VỊ TỰ ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM THẨM ĐỊNH	XẾP LOẠI
		TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ		
1	Sở Giao thông vận tải	14,5	13,75	10	10	14	14	9	9	14,5	13,484	8	7	11,4645	9,062	18	17,1	93,396	Xuất sắc
2	Sở Công thương	14,5	13,5	9,8862	10	14	14	9	7	14,5	14,5	8	7	12	9,504	18	17,4	92,904	Xuất sắc
3	Sở Tư Pháp	14,5	12,5	10	10	14	12,96	9	9	14,5	14,25	8	7	12	10,5	18	15,9	92,11	Xuất sắc
4	Sở NN&PTNT	14,5	12,5	10	9	13,999	13,999	9	7	12,5	12,4412	7	7	12	12	18	17,7	91,641	Xuất sắc
5	Sở Tài Chính	14,5	13,5	10	10	14	14	9	7	14,5	12,5	8	8	11,5	9,228	18	17,4	91,62	Xuất sắc
6	Sở Thông tin & TT	14,5	12,25	10	10	14	14	9	8	14,5	12,5	8	7	11,4562	9,706	18	18	91,456	Xuất sắc
7	Sở Nội Vụ	14,5	13,5	10	10	14	13	9	8	14,5	13,5	8	8	12	8,5	18	17,7	91,2	Xuất sắc
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13,25	12,75	10	10	13,999	13,999	9	6	13,5	12,5	8	7	10,9094	12	18	16,8	91,049	Xuất sắc
9	Sở Khoa học & CN	14,5	11,75	10	9	14	14	9	9	14,5	12,5	8	7	10,1628	9,677	18	17,4	90,327	Xuất sắc
10	BQL KKT Nghi Sơn	13,5	11,63	10	10	14	14	9	7	14,5	13,431	8	8	12	9,119	18	17,1	90,289	Xuất sắc
11	Sở Ngoại Vụ	13,75	11,25	10	10	14	14	9	9	14,5	13,5	8	7	12	7,5	18	18	90,25	Xuất sắc

STT	Tên Đơn vị	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		THAM MƯU CHO UBND TỈNH XD VÀ TC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH		ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐƠN VỊ TỰ ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM THẨM ĐỊNH	XẾP LOẠI
		TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ		
12	Sở Y Tế	13,75	13,25	10	10	14	14	9	9	12,5	10,75	8	8	10,3169	7,492	18	17,1	89,592	Tốt
13	Sở Văn hóa, TTDL	14,5	11,75	10	10	14	14	9	8	12,5	12,5	8	6	12	9,725	18	17,4	89,375	Tốt
14	Sở Xây Dựng	13,5	8,25	10	10	14	13,999	8	7	13,5	13,5	8	8	12	12	18	16,5	89,249	Tốt
15	Sở Giáo Dục - Đào Tạo	14,5	12,25	10	10	14	14	9	9	14,5	12,25	8	7	12	7,615	18	17,1	89,215	Tốt
16	Sở Lao động, TB&XH	14,5	11,25	10	10	13	14	9	7	12,47	12,5	8	7	11,5	9,750	18	17,4	88,900	Tốt
17	Sở Tài nguyên và MT	13,44	8,44	9,98	10	13,941	12,936	9	7	14,478	11,478	8	7	11,5	11,5	18	18	86,361	Tốt
18	Văn phòng UBND Tỉnh	14,5	13,5	10	10	14	14	9	5	14,5	11,5	8	8	12	12	18	18	92	Đơn vị không thực hiện xếp hạng
19	Ban Dân Tộc	12,5	10	10	10	14	14	9	6	14,5	14,5	8	5	11,5	11,5	18	18	89	
20	Thanh Tra tỉnh	14,25	9,5	8,91	10	13	13	9	9	14,5	13,5	8	1	11,5	11,5	18	14	81,5	
	<b>Trung bình</b>		11,85		9,9		13,74		7,65		12,97		6,85		9,98		17,2	90,07	

Năm 2022, các sở, ban, ngành đều thực hiện nghiêm túc công tác chỉ đạo, điều hành. Giá trị trung bình các chỉ số đạt 89,65%. Đa số những sở, ngành đạt chỉ số cao là những đơn vị coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành, nghiêm túc xây dựng Kế hoạch CCHC; thường xuyên kiểm tra, báo cáo thống kê đầy đủ, có chất lượng về các nội dung CCHC. (Biểu đồ 2).

**Biểu đồ 3. Giá trị trung bình các chỉ số thành phần của các sở năm 2022.**



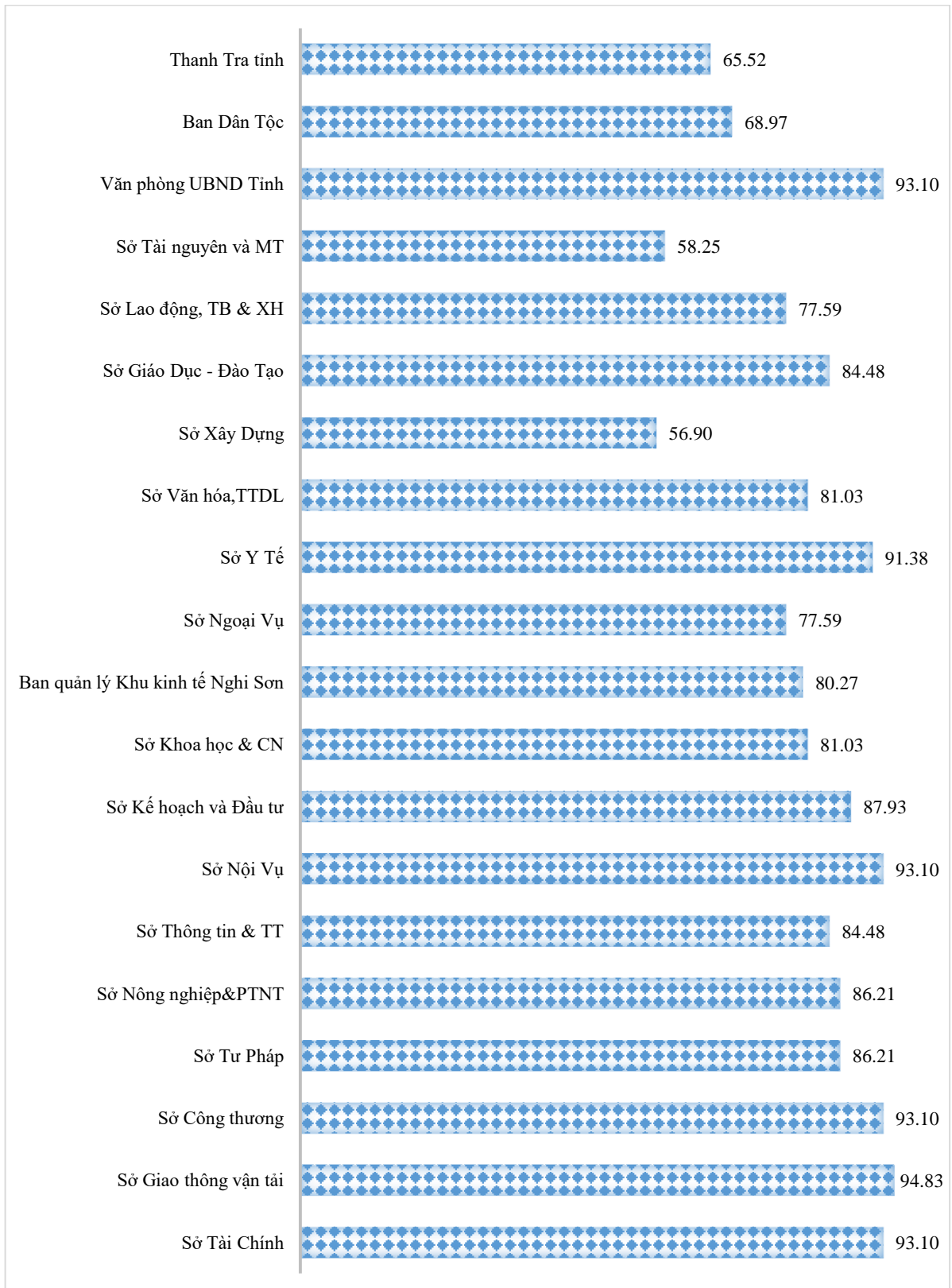
## 2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực.

### 2.1. Chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC

Năm 2022, các sở có chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cao là các đơn vị trong những năm qua có sự quan tâm và chủ động đối với việc triển khai CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điều này được thể hiện qua việc các sở đã ban hành kịp thời Kế hoạch CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC; các báo cáo CCHC đầy đủ, đúng hạn, chất lượng tốt cũng như bố trí nguồn lực cho CCHC đảm bảo. Giá trị trung bình chỉ số này đạt 81,75% (tăng 9,79% so với năm 2021), các đơn vị đã có sự quan tâm nhất định và tăng điểm số tại chỉ số này. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung, một số đơn vị còn ở

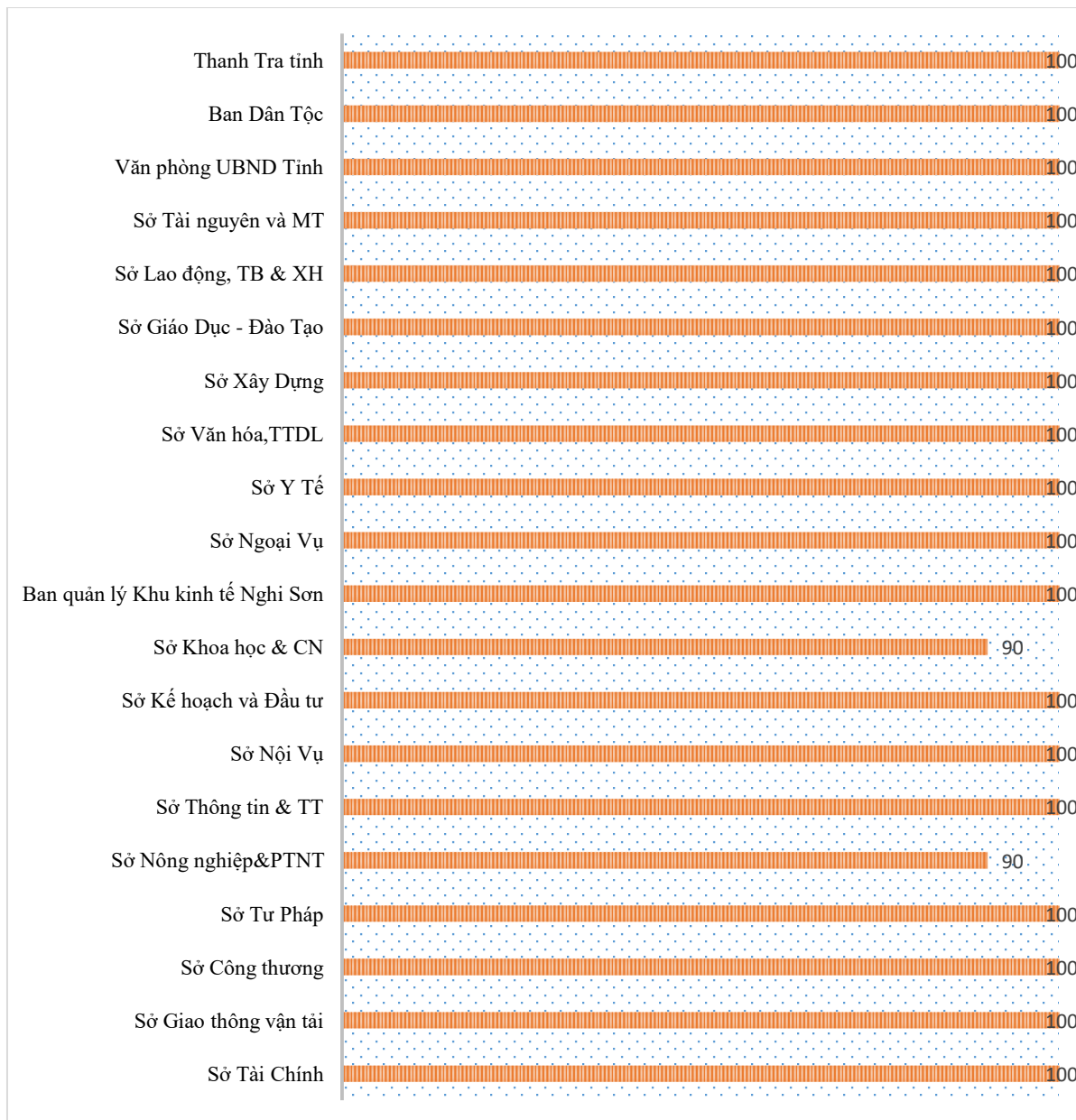
mức chưa cao và thấp hơn nhiều so với chỉ số trung bình của tiêu chí này như Sở Xây dựng (56,90%) và Sở Tài nguyên và Môi trường (58,25%).

**Biểu đồ 4. Chỉ số nội dung chỉ đạo, điều hành cấp sở.**



## 2.2. Chỉ số tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành

**Biểu đồ 5. Lĩnh vực tham mưu cho UBND tỉnh về xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế cấp sở.**



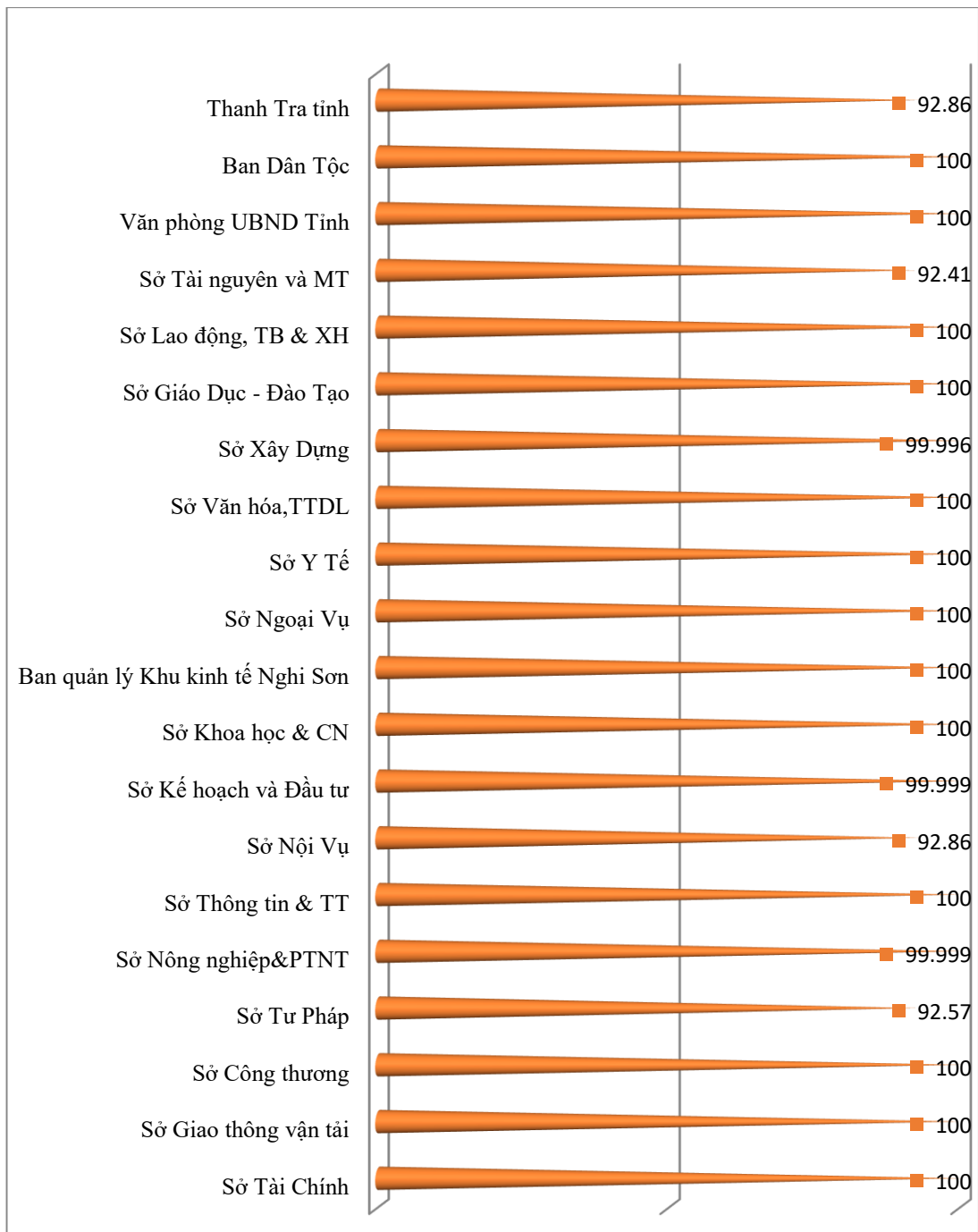
Giá trị trung bình của chỉ số đạt 99%. (Qua đánh giá, hầu hết các Sở, ngành đều đạt kết quả cao trong lĩnh vực số tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước, trong đó có 18 Sở ngành đạt điểm tối đa 10/10 (100%); 02 Sở ngành đạt trên 90%.

## 2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính

Cải cách TTHC tại các sở có những đặc thù riêng, khác biệt so với cải cách TTHC ở địa phương. Chỉ số thành phần cải cách TTHC được xây dựng và đánh

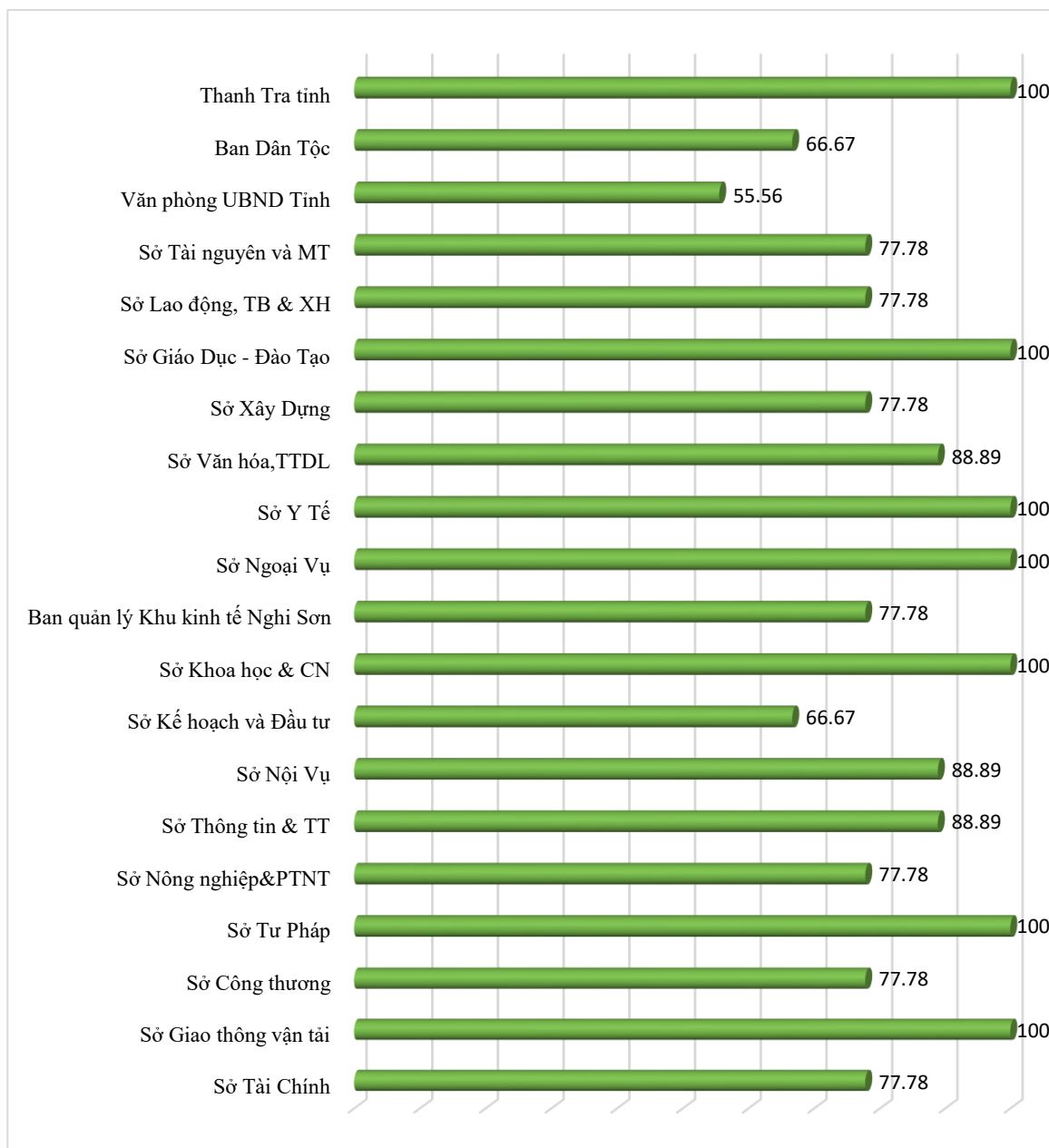
giá theo các nội dung rà soát, đánh giá, cập nhật và công khai TTHC. Phần lớn các sở, ngành có chỉ số đạt ở mức tốt trở lên, giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 98,18% (tăng 0,91% so với năm 2021). Qua biểu đồ, 13/20 đơn vị đạt điểm tối đa 14/14(100%), gồm: Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Sở Ngoại vụ, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, thương binh và xã hội, Văn phòng UBND tỉnh.

**Biểu đồ 6. Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính cấp sở.**



## 2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

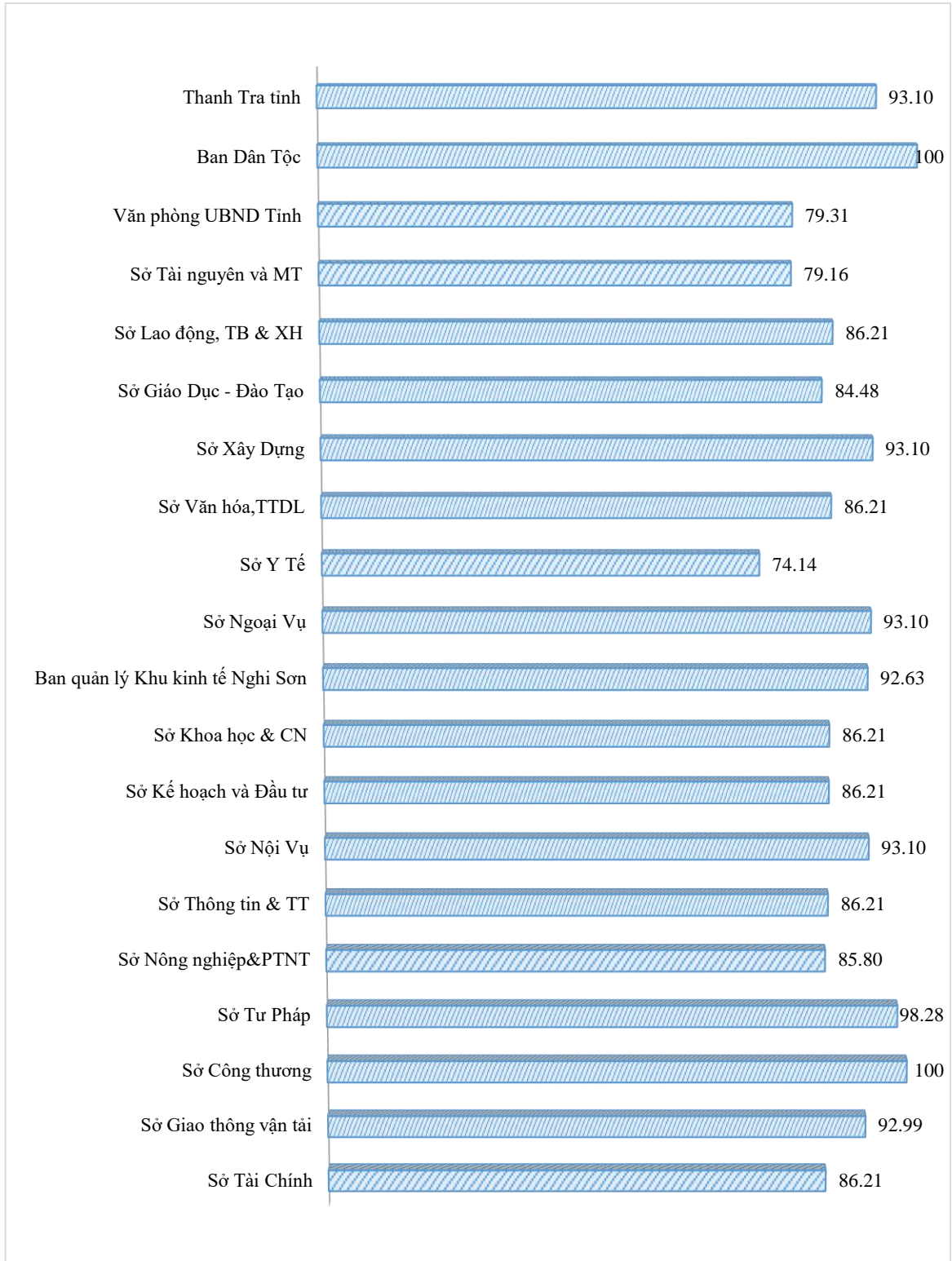
**Biểu đồ 7. Lĩnh vực tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cấp sở.**



Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước nhằm hướng tới việc xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 85%. Có 7/20 sở, ngành đạt điểm tối đa 10/10 điểm; 03/20 sở, ngành đạt 88,89% điểm; 10/20 sở đạt điểm dưới 80%. Sự phân hóa về điểm số của các Sở cho thấy kết quả thực hiện trong việc triển khai các quy định của Chính phủ và của tỉnh về tổ chức bộ máy; công tác kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, phân cấp quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở (cụ thể tại Biểu đồ 6).

## 2.5. Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

**Biểu đồ 8. Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức cấp sở.**



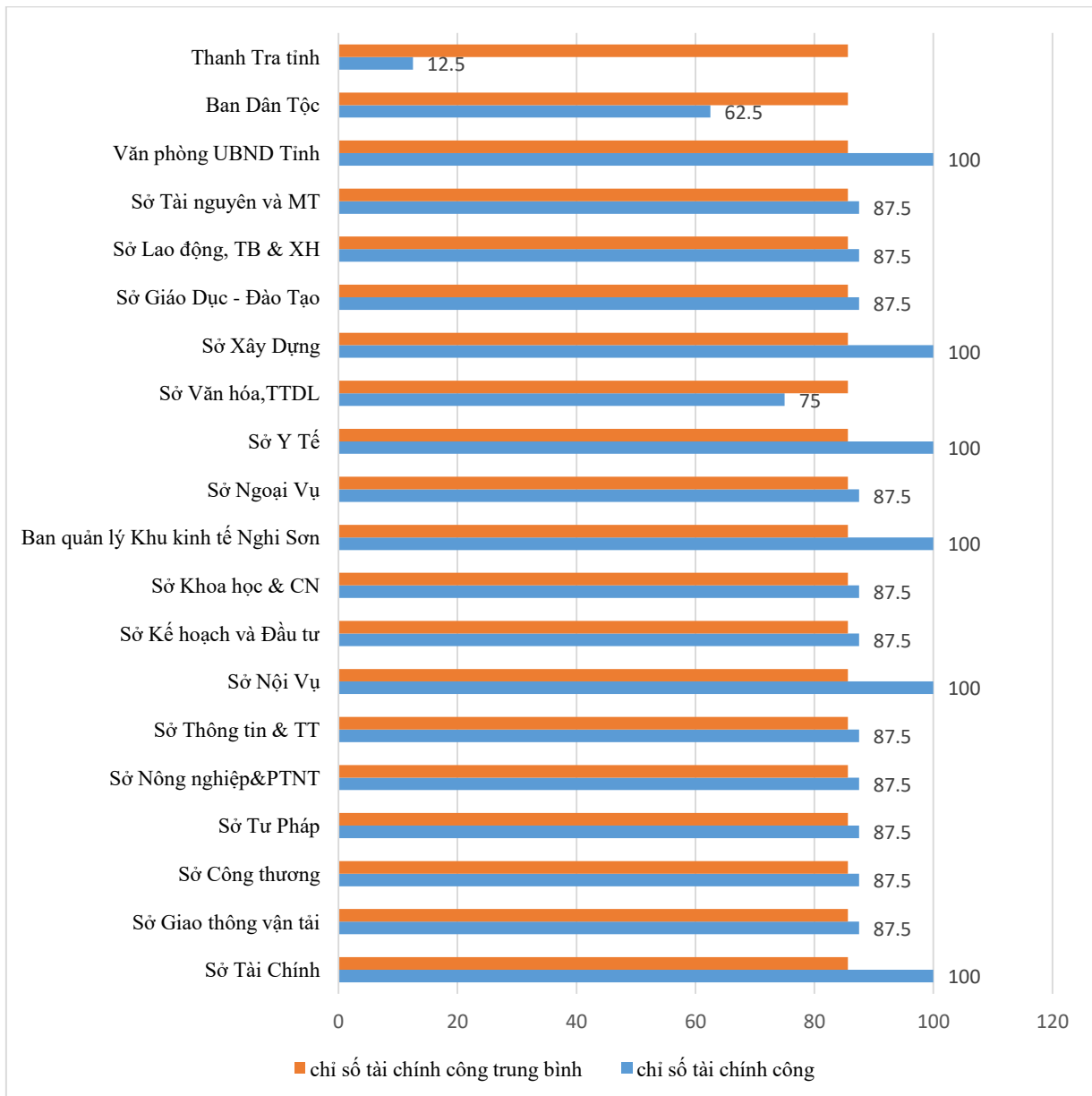
Chỉ số thành phần của lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC có giá trị trung bình là 88,82% (tăng 2,74% so với năm 2021). Nhìn chung

công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được các sở, ngành quan tâm, điển hình như: Ban Dân tộc, Sở Công thương (100%), Sở Tư pháp (98,28%)...Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị có kết quả thấp dưới mức trung bình: Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường...

## 2.6. Chỉ số cải cách tài chính công

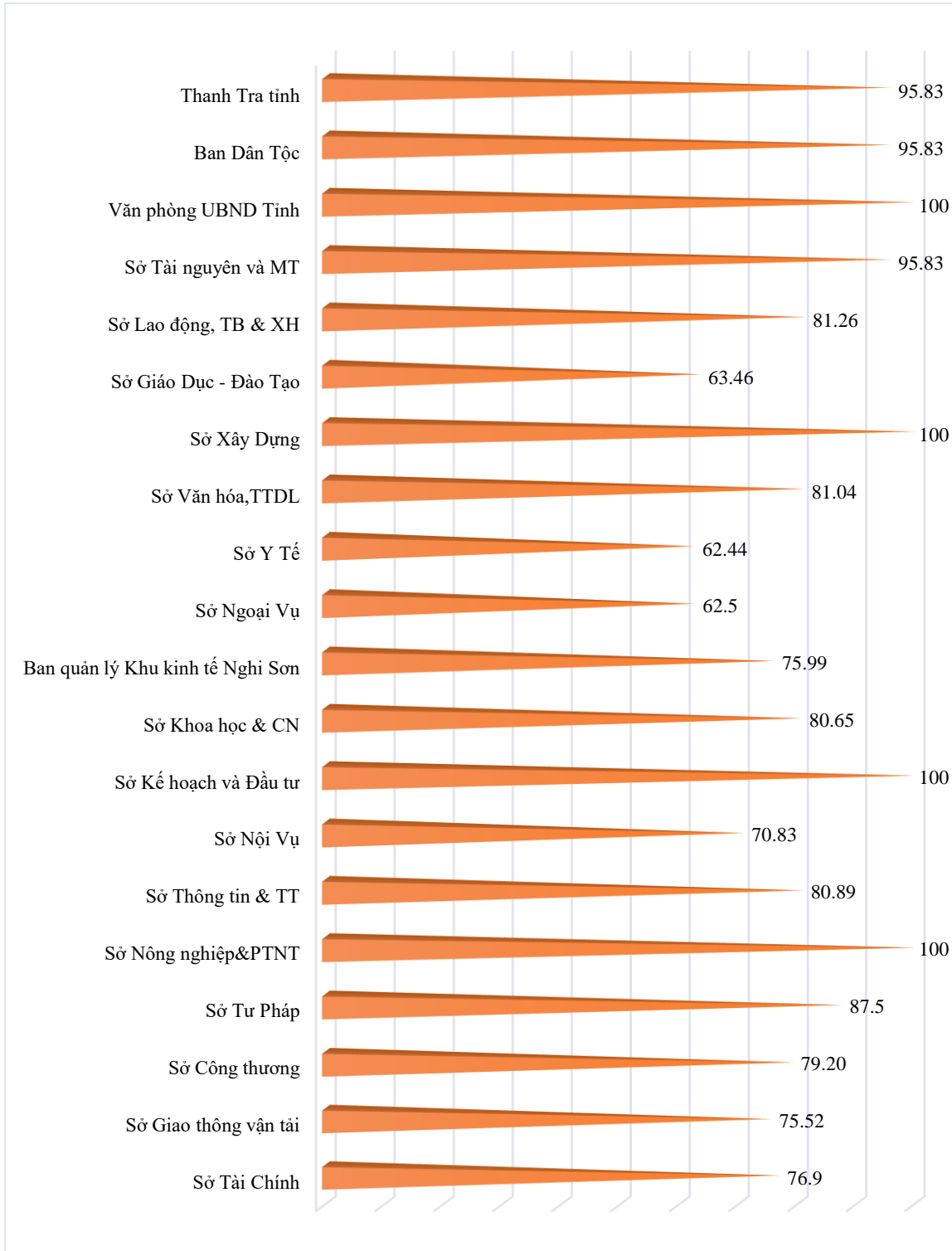
Giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 85,63% (tăng 6,88% so với năm 2021). Có sự phân hóa giữa các đơn vị, có 06/20 đơn vị đạt giá trị tuyệt đối, 11/20 đơn vị đạt giá trị 87,5%, 03/20 đơn vị đạt giá trị dưới mức trung bình (Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch: 75%, Ban Dân tộc: 62,5% và Thanh tra tỉnh: 12,5%).

**Biểu đồ 9. Lĩnh vực cải cách tài chính công cấp sở.**



## 2.7. Chỉ số hiện đại hoá hành chính

**Biểu đồ 10. Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính cấp sở.**

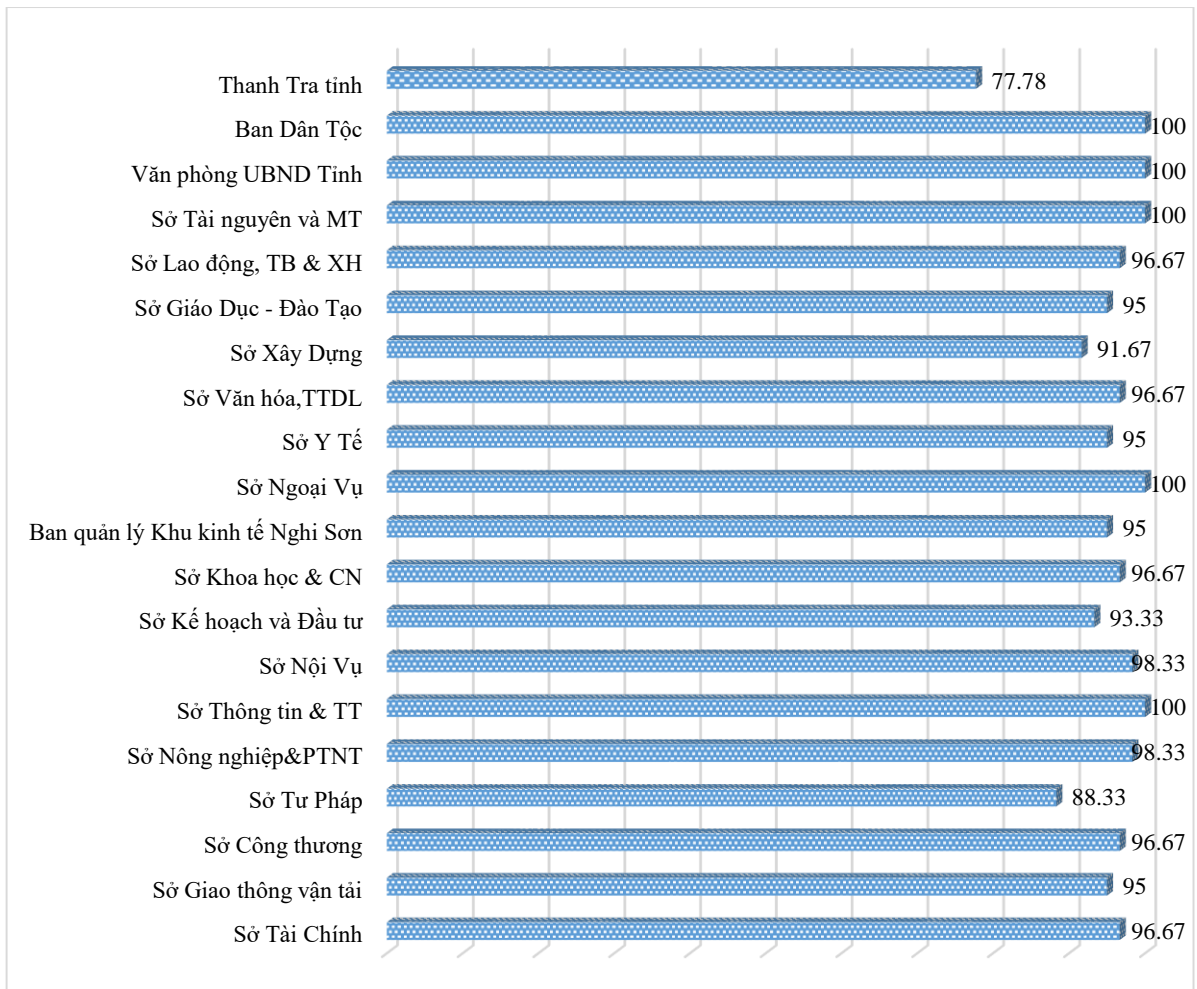


Giá trị trung bình của chỉ số thành phần này đạt 83,28%. Với mục tiêu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa

học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức. UBND tỉnh đã ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai, đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; phát triển và hoàn thiện các hệ thống nền tảng chính quyền điện tử, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh. Các sở, ban ngành cấp tỉnh cũng như UBND cấp huyện, thị, thành phố đã có nhiều thay đổi tích cực trong điều hành, xử lý công việc trên môi trường mạng, hiệu quả công việc cao. Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn là những đơn vị đạt giá trị tối đa tại tiêu chí này.

## 2.8. Chỉ số điều tra xã hội học

**Biểu đồ 11. Lĩnh vực điều tra xã hội học cấp sở.**



Chỉ số trung bình của tiêu chí này đạt 95,56% (tăng 1,12% so với năm 2021); có 05/20 đơn vị đạt điểm tối đa tại tiêu chí này: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông; 14/20 đơn vị có chỉ số trên 90% và 02/20 đơn vị có chỉ số dưới 90%. Chỉ số điều tra xã hội học cao thể hiện sự hài lòng của người dân, tổ chức trong quá trình thực hiện TTHC cao.

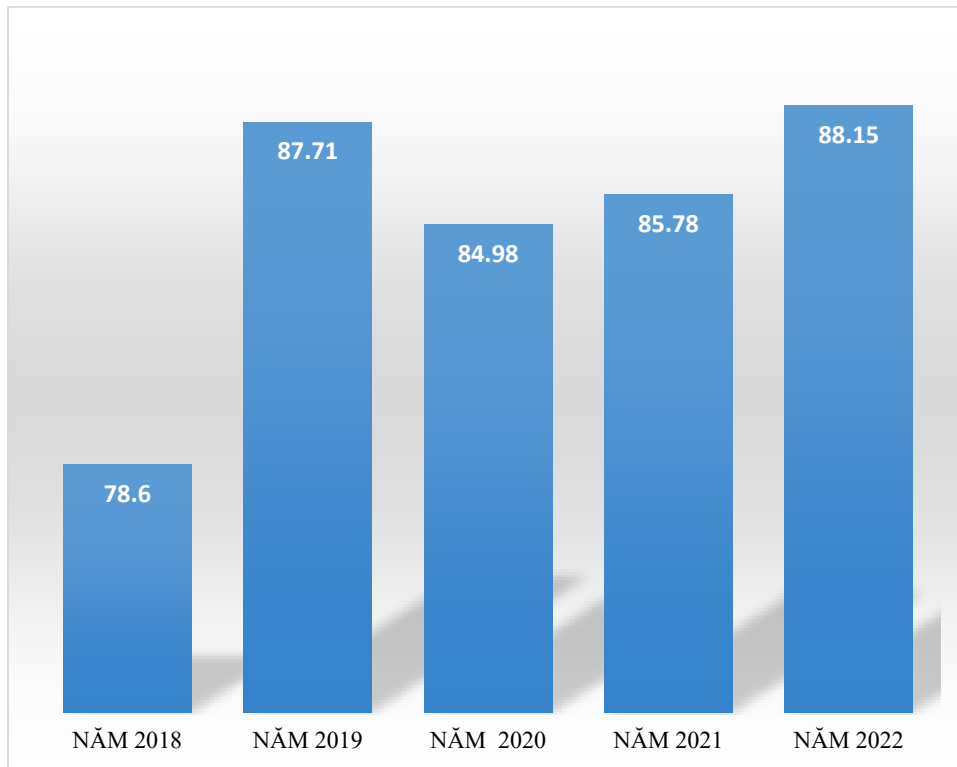
## II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Chỉ số tổng hợp

**Bảng 3: Kết quả chỉ số CCHC cấp huyện**

Tên đơn vị	Điểm đơn vị tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp hạng	Xếp loại
Huyện Đông Sơn	99,5	93,2455	1	Xuất sắc
Huyện Hoằng Hóa	95,6719	92,1415	2	Xuất sắc
Thành Phố Thanh Hóa	98,2758	91,8908	3	Xuất sắc
Huyện Hà Trung	95,7936	91,3884	4	Xuất sắc
Huyện Quảng Xương	99,46	91,2874	5	Xuất sắc
Huyện Thọ Xuân	97,3585	91,2646	6	Xuất sắc
Huyện Cẩm Thủy	99,4975	91,0592	7	Xuất sắc
Huyện Thạch Thành	96,7458	90,4456	8	Xuất sắc
Huyện Thiệu Hóa	99,924	90,3713	9	Xuất sắc
Huyện Quan Sơn	92,9772	90,1815	10	Xuất sắc
Huyện Triệu Sơn	97,4903	89,448	11	Tốt

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Điểm đơn vị tự đánh giá</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Xếp hạng</b>	<b>Xếp loại</b>
Huyện Hậu Lộc	99,0958	88,4284	12	Tốt
Thị xã Bỉm Sơn	96,68	88,3917	13	Tốt
Huyện Nông Cống	97,8059	88,3792	14	Tốt
Thị xã Nghi Sơn	96,3062	87,8105	15	Tốt
Huyện Ngọc Lặc	98,3679	87,7397	16	Tốt
Thành Phố Sầm Sơn	95,6119	87,4306	17	Tốt
Huyện Bá Thước	93,0218	87,2812	18	Tốt
Huyện Như Thanh	94,1375	87,1117	19	Tốt
Huyện Vĩnh Lộc	98,95	87,0114	20	Tốt
Huyện Như Xuân	93,88	86,2003	21	Tốt
Huyện Nga Sơn	96,295	85,4346	22	Tốt
Huyện Yên Định	96,3117	85,0158	23	Tốt
Huyện Lang Chánh	88,875	83,6384	24	Tốt
Huyện Quan Hóa	95,2101	83,6369	25	Tốt
Huyện Thường Xuân	92,2885	82,7923	26	Tốt
Huyện Mường Lát	90,0691	81,2694	27	Tốt

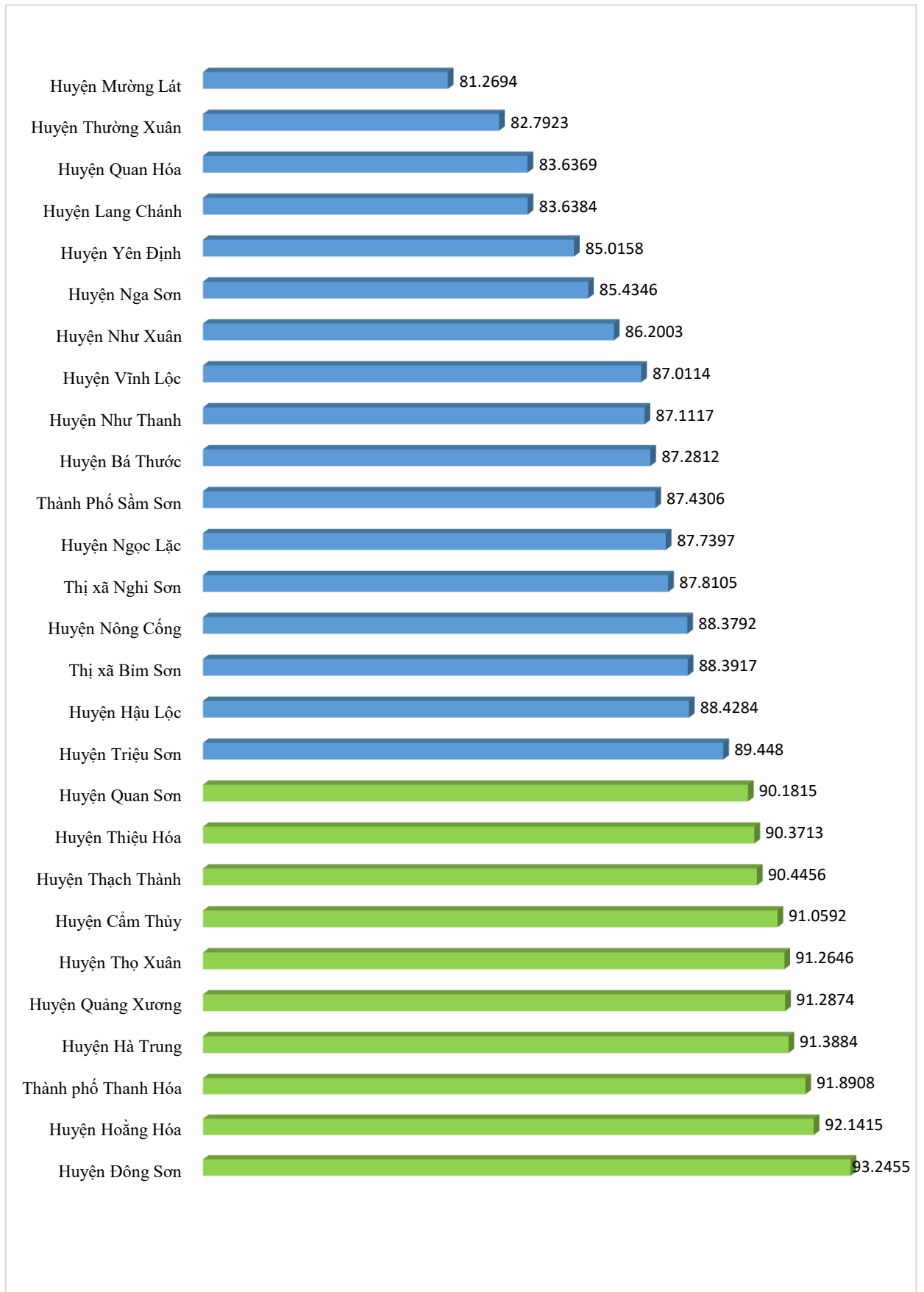
**Biểu đồ 12. Giá trị trung bình chỉ số CCHC của các huyện giai đoạn 2018 - 2022.**

Qua phân tích kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 và chỉ số tổng hợp tại các Chỉ số theo lĩnh vực đạt được của các huyện cho thấy giá trị trung bình Chỉ số CCHC của các huyện đạt được là 88,15%, cao nhất trong giai đoạn từ 2018-2022; có 2 nhóm Chỉ số tương ứng với kết quả xếp loại bao gồm:

- Nhóm các huyện đạt kết quả xuất sắc, bao gồm 10/27 huyện chiếm tỉ lệ 37,03%. Trong đó, huyện Đông Sơn đứng đầu đạt 93,24%; tiếp đến là huyện Hoàng Hóa đạt kết quả 92,14%, Thành phố Thanh Hóa, Hà Trung, Quảng Xương, Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Thiệu Hóa và huyện Quan Sơn .

- Nhóm các huyện đạt kết quả tốt bao gồm các huyện đạt chỉ số từ 80% đến dưới 90%, nhóm này bao gồm 17/27 huyện chiếm tỉ lệ 62,97%;

Qua kết quả đánh giá, chấm điểm cho thấy có một số huyện có nhiều chỉ số thành phần đạt kết quả cao và liên tiếp nhiều năm đạt kết quả xuất sắc, một số đơn vị có sự bứt phá về vị trí xếp loại trong năm 2022 (từ loại tốt năm 2021 lên xuất sắc năm 2022) như: Thiệu Hóa, Thị xã Nghi Sơn. Tuy nhiên vẫn còn đơn vị liên tiếp có kết quả chỉ số cải cách không cao, nhiều năm nằm ở top cuối bảng xếp hạng (huyện Mường Lát); *(Có bảng tổng hợp chỉ số thành phần từng lĩnh vực chỉ số CCHC cấp huyện năm 2022 và Biểu đồ 11 kèm theo).*

**Biểu đồ 13. Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các huyện**

■ Đơn vị xếp loại tốt

■ Đơn vị xếp loại xuất sắc

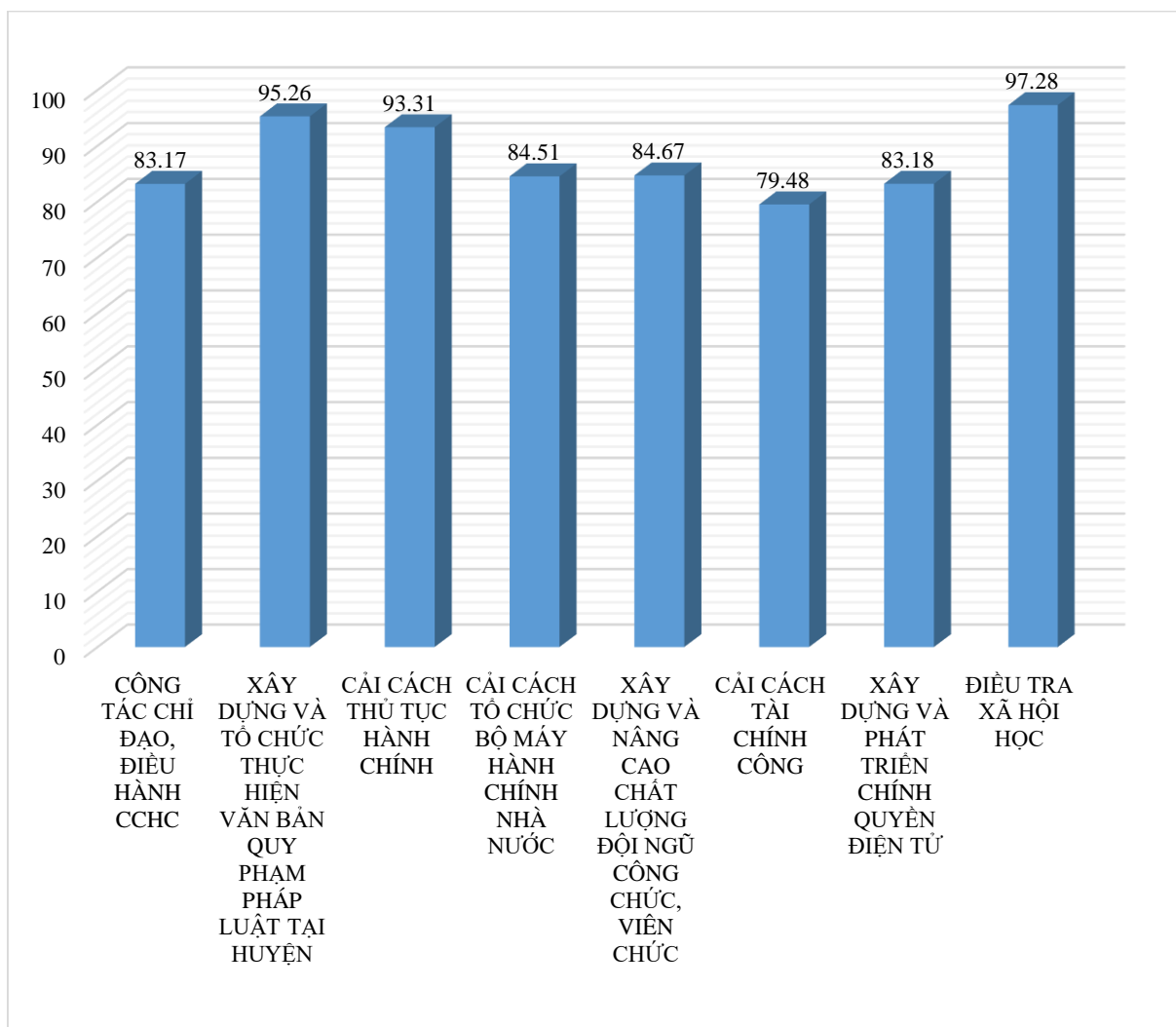
**Bảng 4: ĐIỂM THEO TỪNG TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC CẤP HUYỆN**

ST T	Tên Đơn vị	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		XD VÀ TC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI HUYỆN		CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ		ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐƠN VỊ TỰ ĐÁNH GIÁ		Tổng điểm TB	Xếp loại
		TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ		
1	Huyện Đông Sơn	14	14	9	9	13	13	10,5	8,5	13,5	11,5	8,5	7,8062	13	11,4393	18	18	93,245	Xuất sắc
2	Huyện Hoằng Hóa	14	12,25	9	9	12,99	12,9989	10,5	10,5	11,4697	10,3926	7	6	12,7033	13	18	18	92,141	Xuất sắc
3	Thành Phố Thanh Hóa	14	13	9	9	12,99	12,9143	10	10	13,5	10,5	8,363	6,363	12,4135	12,4135	18	17,7	91,890	Xuất sắc
4	Huyện Hà Trung	14	13,25	9	9	13	10,9968	10,5	10	11,9936	11,8118	6,3	6,5	13	12,1298	18	17,7	91,388	Xuất sắc
5	Huyện Quảng Xương	13,96	11,25	9	9	12,5	11,4874	11	9,5	13,5	11,75	8,5	8,5	13	13	18	16,8	91,287	Xuất sắc
6	Huyện Thọ Xuân	14	12,92	9	9	12,99	12,9965	10,5	9	11,985	11,485	8,5	7,5	12,38	10,6625	18	17,7	91,264	Xuất sắc
7	Huyện Cẩm Thủy	14	12,766	9	9	12,99	11,9975	11	10	13,5	13	8	7	13	9,5955	18	17,7	91,059	Xuất sắc
8	Huyện Thạch Thành	14	12,25	9	9	12,99	10,9956	10,5	10	12	11,75	7,5	6,5	12,75	12,25	18	17,7	90,445	Xuất sắc
9	Huyện Thiệu Hóa	14	11,41	9	8	12,92	12,919	11	10	13,5	13,4956	8,5	7	13	9,8401	18	17,7	90,371	Xuất sắc
10	Huyện Quan Sơn	13,92	12,17	8,8	9	13	12,4965	10,5	10	11	12	6,31	6,31	11,4422	11,5	18	16,7	90,181	Xuất sắc
11	Huyện Triệu Sơn	13	10,25	9	9	13	11,498	11	8,5	11,9903	11,5	8,5	8,5	13	12,5	18	17,7	89,448	Tốt
12	Huyện Hậu Lộc	14	12,75	9	9	13	11,9999	11	10	13,5	10,25	7,9958	5,4958	12,6	11,2327	18	17,7	88,428	Tốt
13	Thị xã Bim Sơn	14	10,75	9	9	13	11,9974	11	10	11,8	10,75	8	8	11,88	10,1943	18	17,7	88,391	Tốt

ST T	Tên Đơn vị	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		XD VÀ TC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI HUYỆN		CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ		ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐƠN VỊ TỰ ĐÁNH GIÁ		Tổng điểm TB	Xếp loại
		TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ	TĐG	TĐ		
14	Huyện Nông Cống	13	12,5	9	7	13	12,9949	11	10	13,5	12,5	7.3059	6,5	13	10,0843	18	16,8	88,379	Tốt
15	Thị xã Nghi Sơn	12	11	9	8,5	12,99	12,4966	11	11	12	10,25	8,3067	6,5	13	10,3639	18	17,7	87,810	Tốt
16	Huyện Ngọc Lặc	14	10,25	9	7,5	12,99	12,9934	11	10	12	10,75	8,37	8,5	13	10,3463	18	17,4	87,739	Tốt
17	Thành Phố Sầm Sơn	14	12,73	9	9	12,36	11,4825	10,5	8,5	13,4322	12,2322	6,4147	5,5	11,9	10,2784	18	17,7	87,430	Tốt
18	Huyện Bá Thước	13	13	9	6,5	12,76	11,8625	11	11	11,9	12	6,3215	5,5	11,0353	9,4187	18	18	87,281	Tốt
19	Huyện Như Thanh	14	12,15	9	9	12,5	12,495	11	8	11,9949	12,3131	5,5	5,5	12,1426	9,9536	18	17,7	87,111	Tốt
20	Huyện Vĩnh Lộc	14	8,75	9	9	13	13	11	8	13,5	12,5	7,45	7,45	13	10,6114	18	17,7	87,011	Tốt
21	Huyện Như Xuân	14	11,25	9	9	11,89	12,49	11	8,5	11,99	10,49	6,5	6,5	11,5	10,8703	18	17,1	86,200	Tốt
22	Huyện Nga Sơn	13	10,25	9	9	13	11,4993	9	7,5	12,995	11,995	8,3	7,5	13	9,9903	18	17,7	85,434	Tốt
23	Huyện Yên Định	14	10,96	9	9	12,88	10,9974	10,5	8,5	12	10,1914	8,375	7,5	11,55	10,16	18	17,7	85,015	Tốt
24	Huyện Lang Chánh	12	11,5	9	8	11,5	9,994	10	10	9,375	12	6	5,5	13	10,4444	18	16,2	83,638	Tốt
25	Huyện Quan Hóa	12,92	11,25	9	9	12,91	12,492	11	10	12	9,75	6,37	5,5	13	7,9449	18	17,7	83,636	Tốt
26	Huyện Thường Xuân	12	9,7	9	7	11,94	11,9423	10,5	7	13,5	11,25	6	6	12,4462	13	16,9	16,9	82,792	Tốt
27	Huyện Mường Lát	11,57	10,07	9	8	12,24	12,4963	11	7	12	10,25	7	7	9,25	8,75	18	17,7	81,269	Tốt
	Trung bình		11,644		8,57		12,13		9,296		11,431		6,756		10,813		17,511	88,15	

Hầu hết các huyện, thị xã, thành phố đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch CCHC; tuy nhiên, thông qua việc đánh giá từng lĩnh vực (lĩnh vực công tác chỉ đạo điều hành CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử; điều tra xã hội học) thì kết quả tốt nhất là lĩnh vực điều tra xã hội học (97,28%), thấp nhất là lĩnh vực công tác cải cách tài chính công (79,48%). (Chi tiết tại Biểu đồ 12)

**Biểu đồ 14. Giá trị trung bình các chỉ số thành phần cấp huyện năm 2022.**



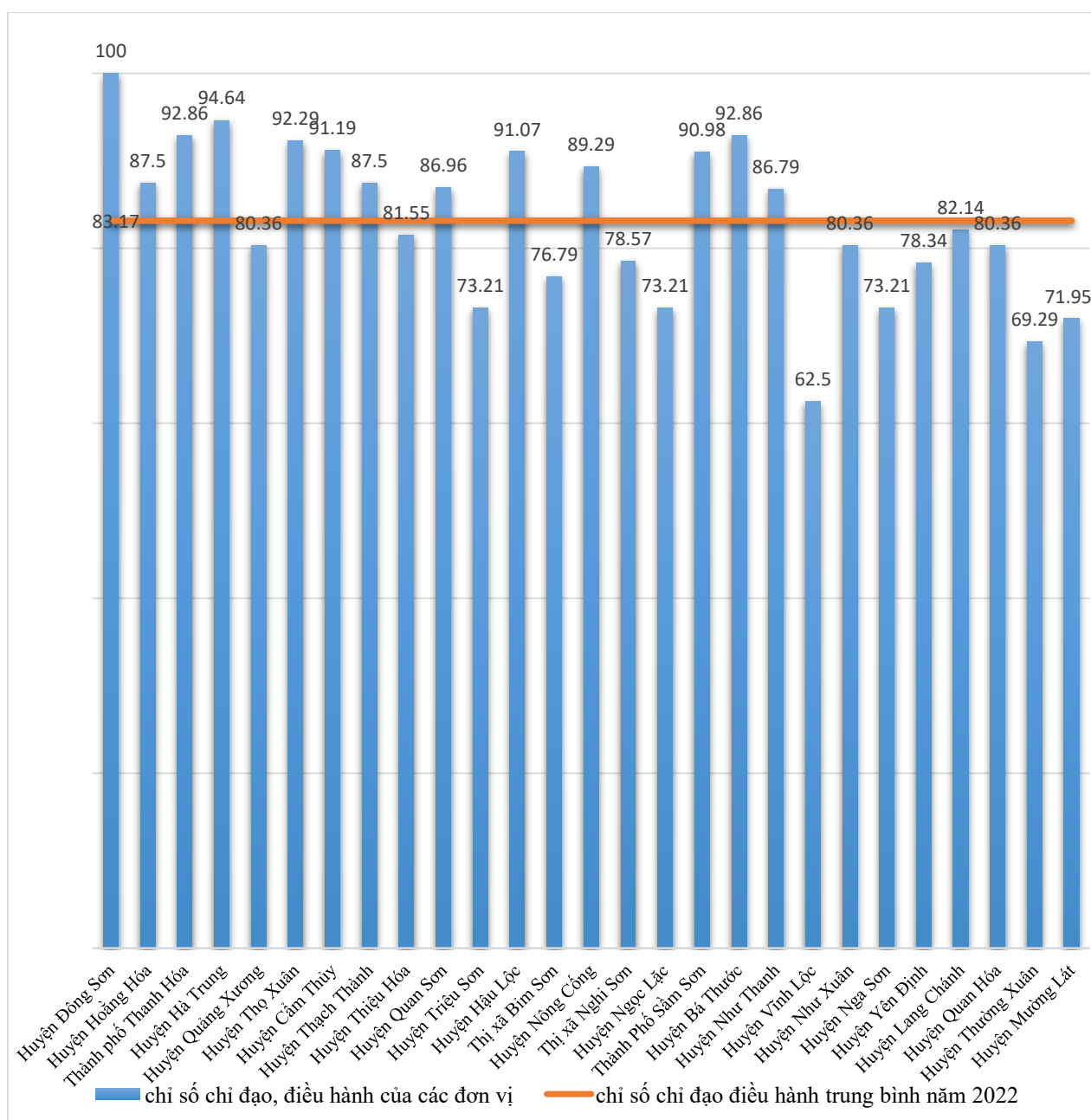
## 2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực

### 2.1. Chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Giá trị trung bình của chỉ số Chỉ đạo, điều hành đạt 83,17% (tăng 9,96% so với năm 2021) chủ yếu làm giảm nhiều tại tiêu chí thực hiện công tác báo cáo định kỳ và kết quả thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm. Nguyên nhân giá trị trung bình của chỉ số này giảm do đơn vị không xây dựng kế hoạch

CCHC hoặc có xây dựng nhưng kết quả thực hiện không đạt so với quy định, không có kế hoạch kiểm tra và tuyên truyền CCHC, báo cáo cải cách hành chính không đầy đủ, chất lượng báo cáo không đảm bảo.v.v... Đội ngũ làm cải cách hành chính năm vừa qua có nhiều biến động, việc bàn giao công việc chưa thực sự đảm bảo dẫn đến có tình trạng quá hạn báo cáo, kế hoạch... Các huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Quan Sơn là 03 đơn vị có chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành CCHC cao trên 90%; 10/27 huyện có chỉ số dưới mức trung bình, trong đó Thiệu Hóa (33%); Lang Chánh (39,28%) đạt mức rất thấp. (cụ thể tại Biểu đồ 13).

**Biểu đồ 15. Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC cấp huyện**

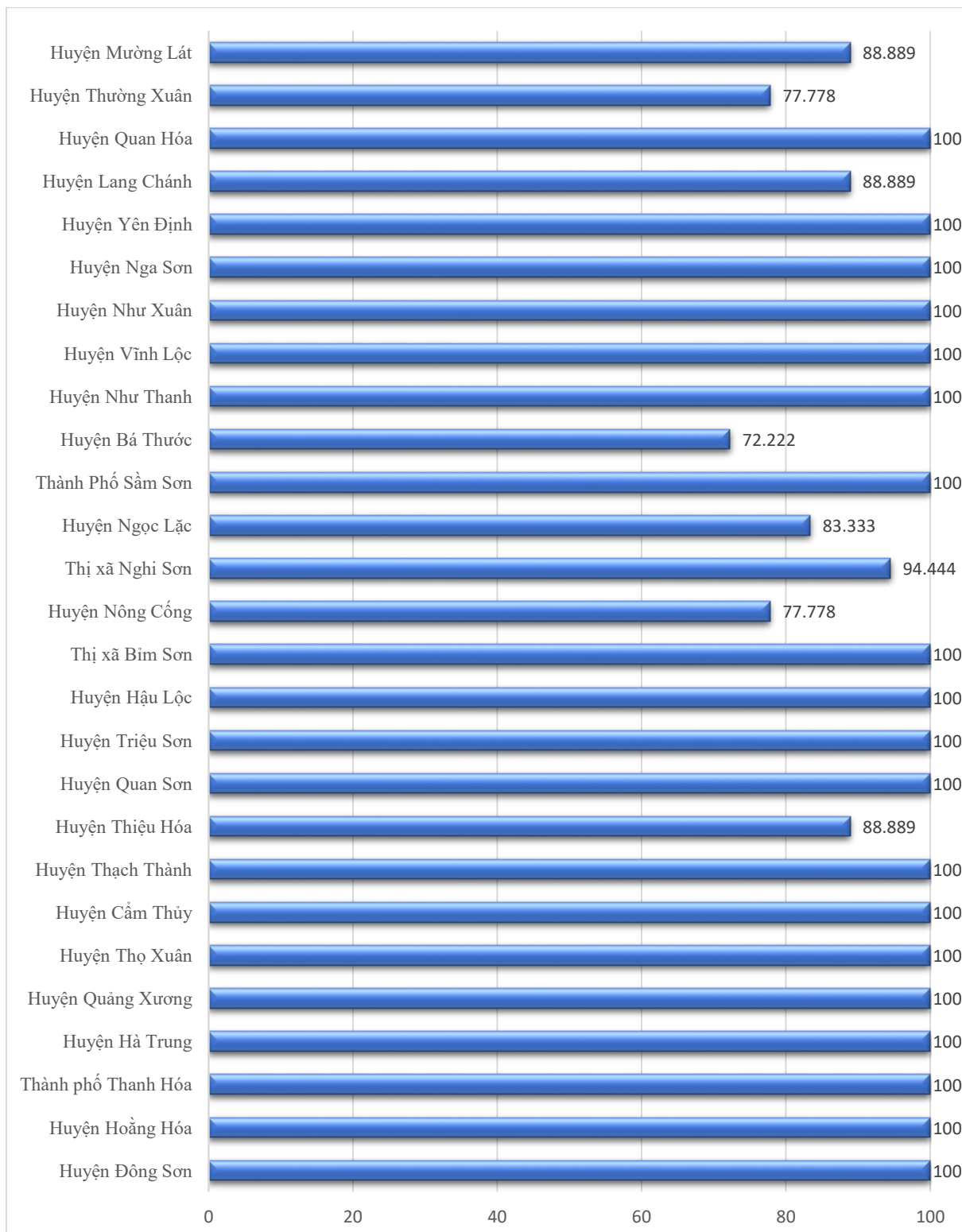


## 2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại huyện

Chỉ số trung bình của lĩnh vực này là 95,26% . Trong đó có 19/27 đơn vị

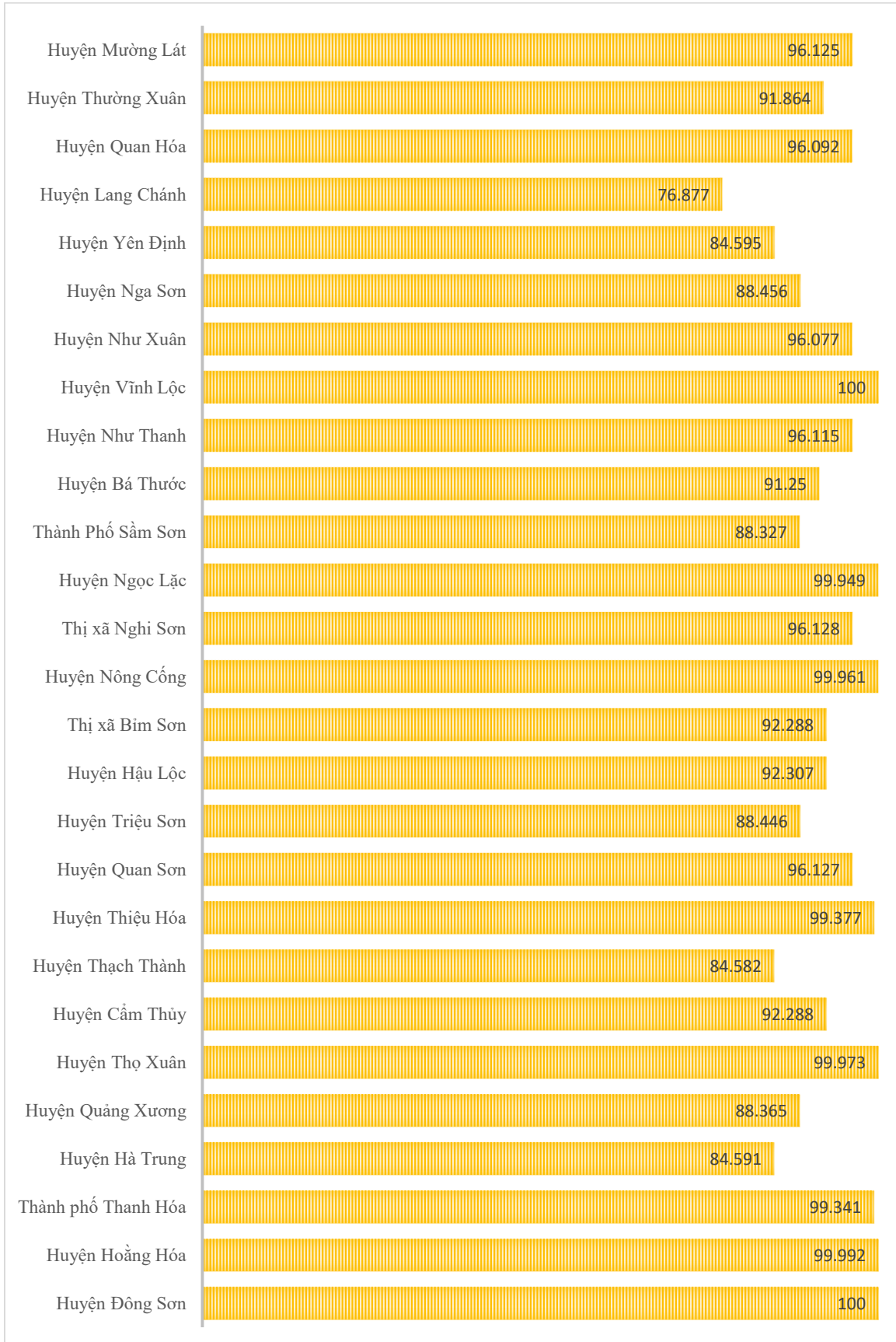
đạt điểm tối đa, 01/27 đơn vị đạt điểm trên 90 %, 04/27 đơn vị đạt điểm trên 80% và 03/27 đơn vị đạt điểm trên 70%. Kết quả thực cho thấy việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại các huyện tương đối tốt nhưng có sự phân hóa.

**Biểu đồ 16. Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL cấp huyện**



### 2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính

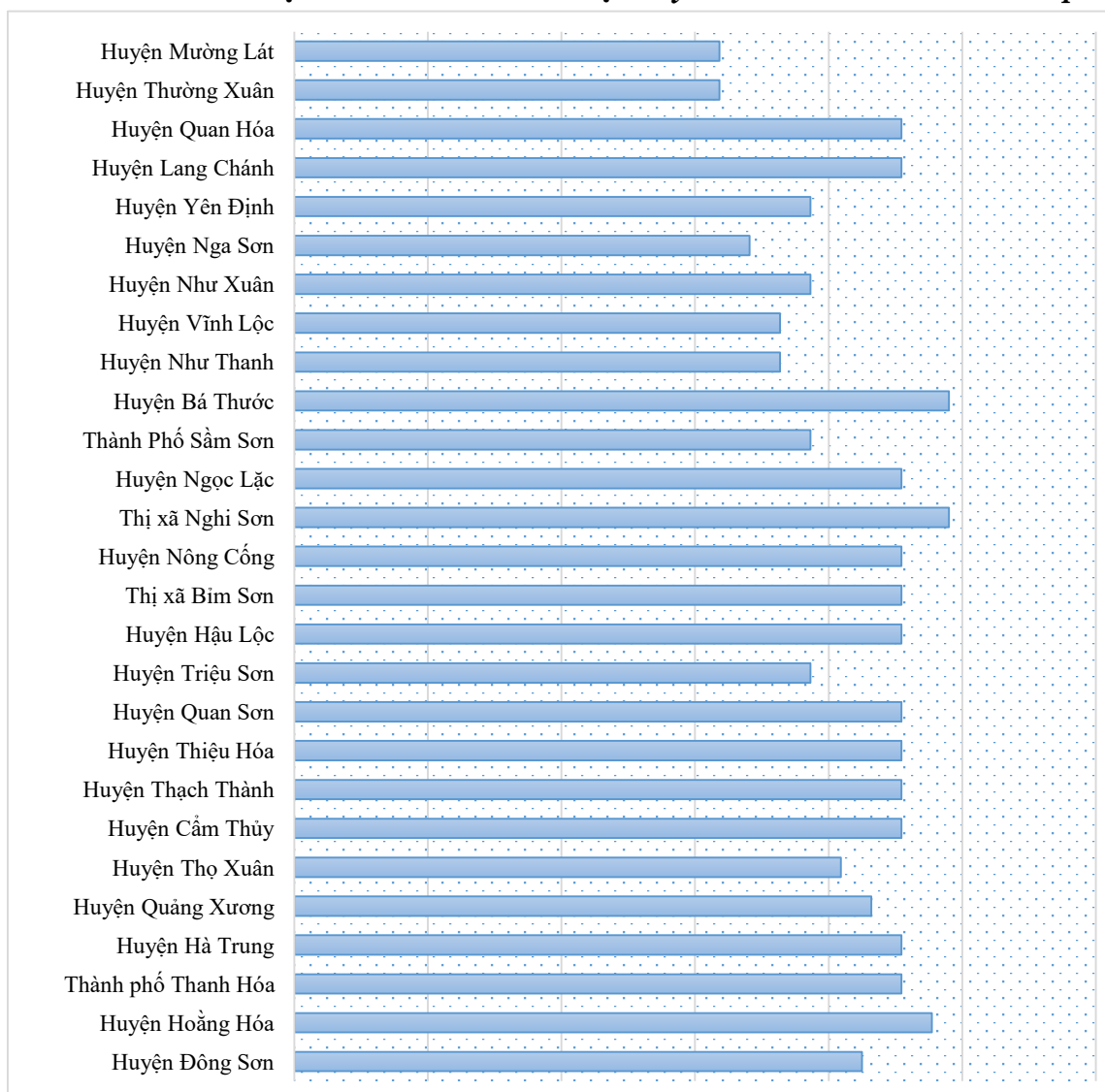
**Biểu đồ 17. Lĩnh vực TTHC cấp huyện**



Giá trị trung bình của chỉ số cải cách TTHC của các huyện là 93,31% (tăng 7,16% so với năm 2021) đứng đầu là Đông Sơn, Vĩnh Lộc đạt giá trị tuyệt đối 100%, thấp nhất là huyện Lang Chánh đạt 76,87%, đây cũng là đơn vị có chỉ số mức khá duy nhất trong 27 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Các đơn vị chủ yếu mất điểm tại tiêu chí công khai kết quả giải quyết TTHC của đơn vị, còn hồ sơ trễ hẹn so với quy định và công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC; số hóa kết quả giải quyết TTHC. Nguyên nhân dẫn đến mất điểm tại tiêu chí này do sự tích hợp giữa phần mềm với trang thông tin điện tử của đơn vị chưa hoàn thiện; cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ chưa nhập phần mềm, nhiều hồ sơ còn ghi sổ tay. Cần tích cực hơn nữa trong chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao Chỉ số cải cách TTHC phục vụ tổ chức, cá nhân ngày một tốt hơn.

#### **2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

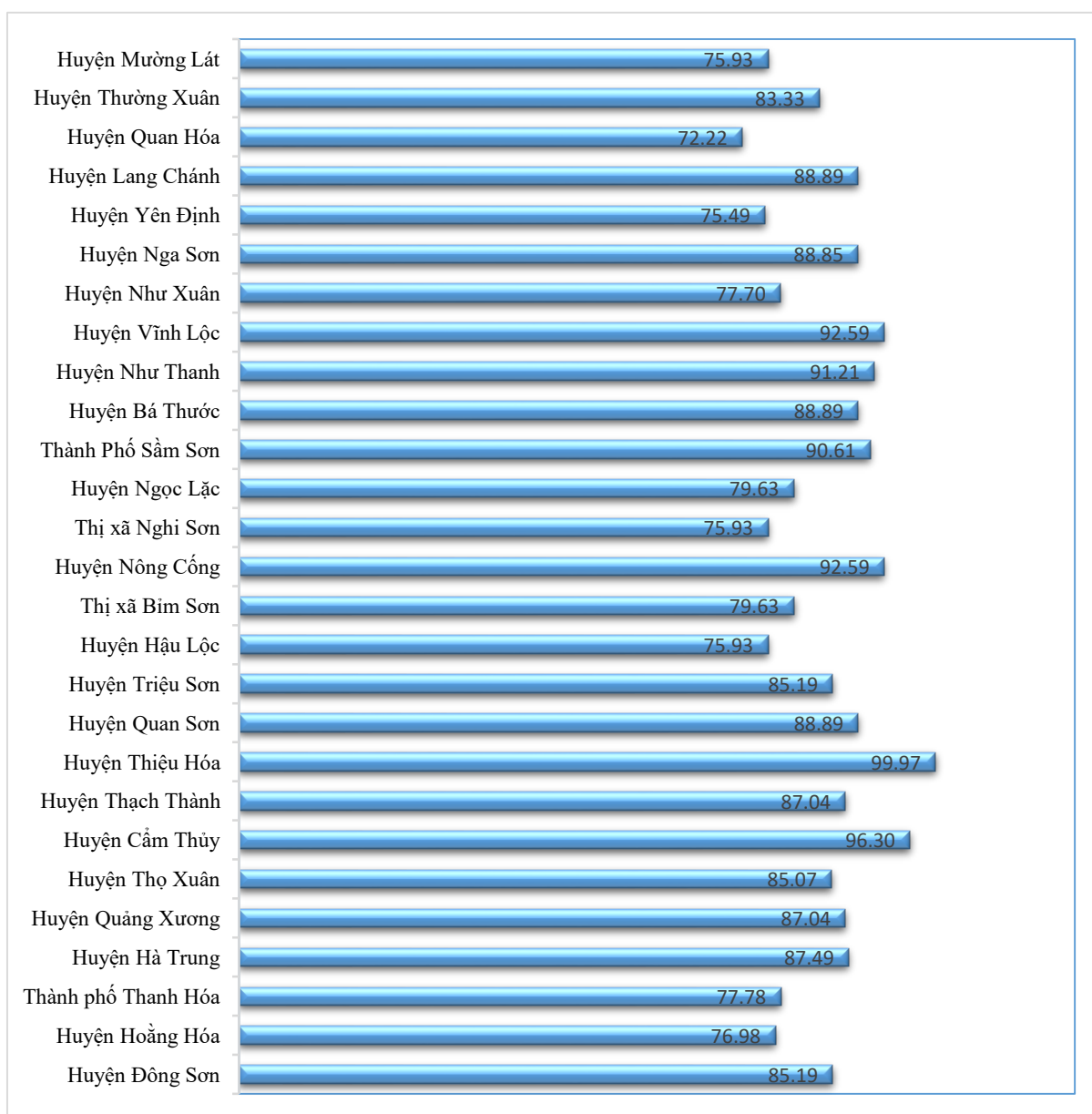
**Biểu đồ 18. Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cấp huyện**



Giá trị trung bình tại tiêu chí này đạt 84,51%, thấp hơn 1,67% so với năm 2021, chủ yếu mất điểm tại các tiêu chí tỷ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện tinh giản biên chế... Nguyên nhân mất điểm là do: Tiêu chí giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và tinh giản biên chế thực hiện theo lộ trình, chu kỳ, đây là giai đoạn đầu thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nên các đơn vị chưa đạt được kết quả cao. Có 02/27 đơn vị đạt điểm tối đa, 15/27 đơn vị có điểm tốt trên 80%, 10/27 đơn vị đạt dưới 80% (chi tiết có Biểu đồ 16).

## **2.5. Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

**Biểu đồ 19. Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện**

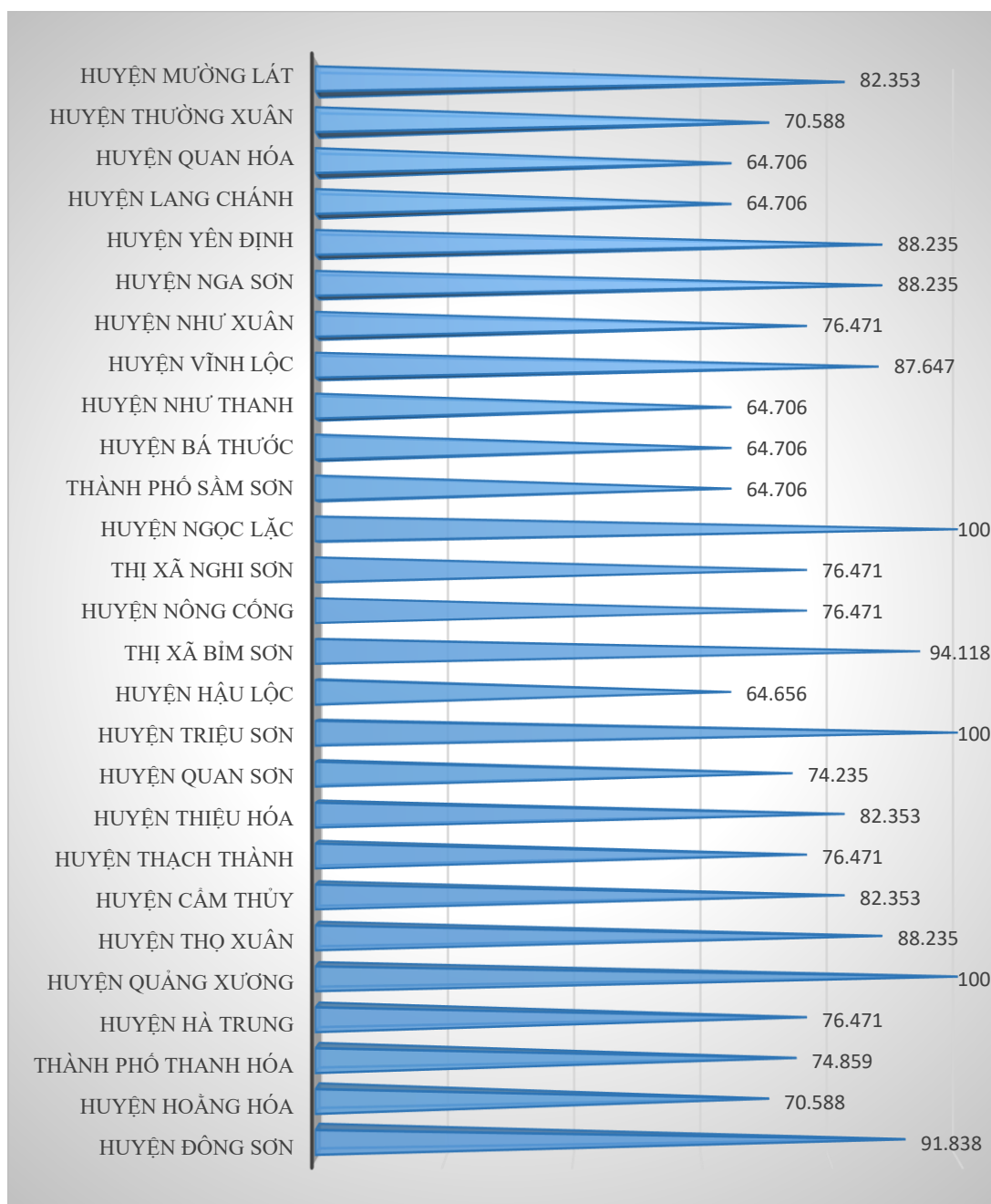


Tại chỉ số thành phần này, các huyện có sự chênh lệch về điểm số đạt

được giữa các nhóm điểm, không có đơn vị nào đạt điểm tuyệt đối, cao nhất là Thiệu Hóa với số điểm đạt 99,97%, thấp nhất là Quan Hóa với số điểm đạt 72,22%. Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này đạt 84,67% (tăng 7,41% so với năm 2021); 11/27 đơn vị có điểm chỉ số đạt dưới giá trị trung bình nhiều. Qua kết quả đánh giá, đề nghị các đơn vị cần nghiêm túc thực hiện quy định về lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chỉ số CCHC ở lĩnh vực này.

## 2.6. Lĩnh vực tài chính công

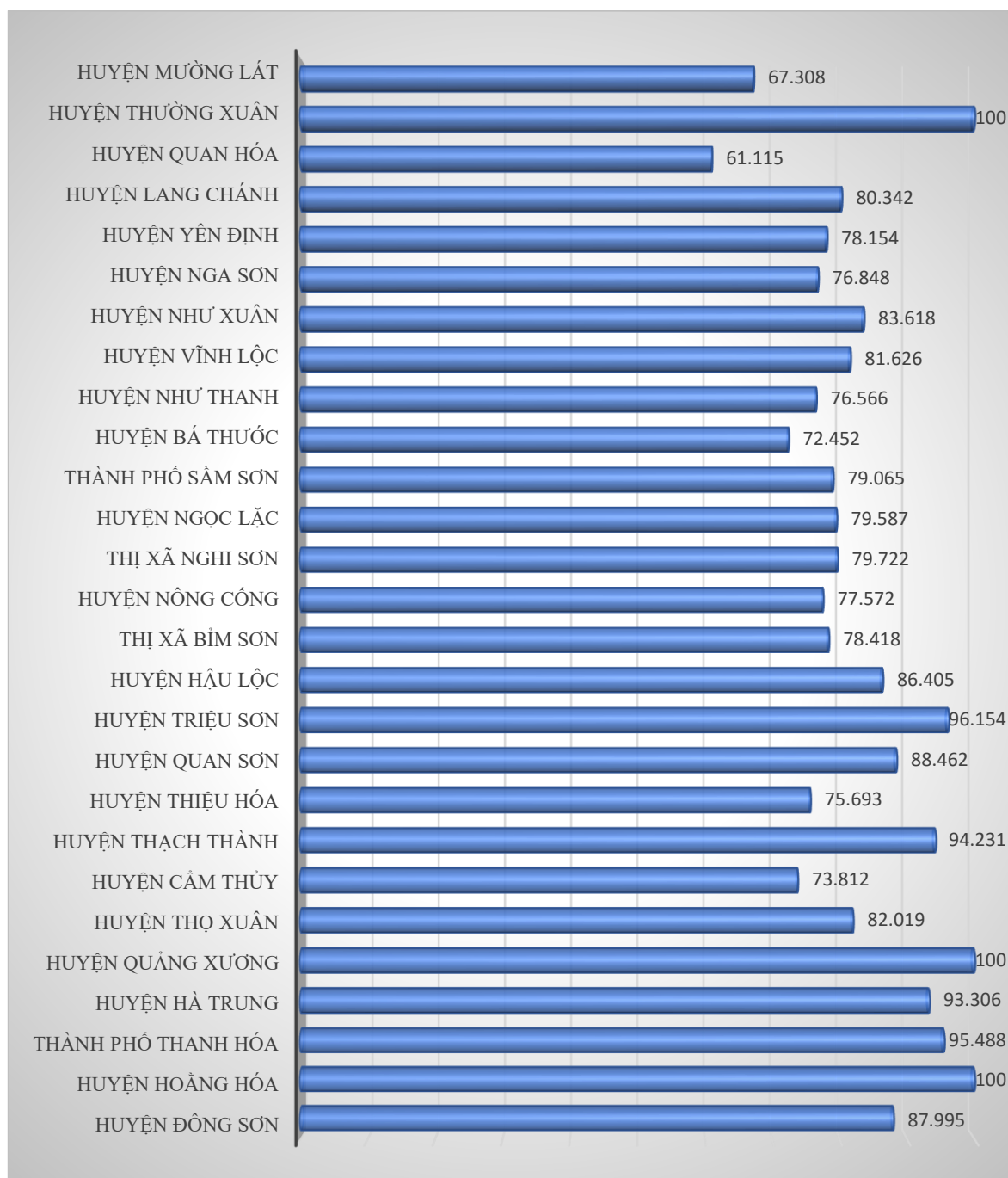
### *Biểu đồ 20. Lĩnh vực cải cách tài chính công cấp huyện*



Giá trị trung bình đạt được của Chỉ số thành phần này là 79,48% giảm 1,58%. Chỉ số lĩnh vực tài chính của các đơn vị có sự phân hóa. Có 03/27 huyện đạt giá trị tuyệt đối: Ngọc Lặc, Quảng Xương và Triệu Sơn; đơn vị đạt giá trị thấp nhất là huyện Hậu Lộc với 64,6% (chi tiết tại Biểu đồ 18).

## 2.7. Chỉ số xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

**Biểu đồ 21. Lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử cấp huyện.**

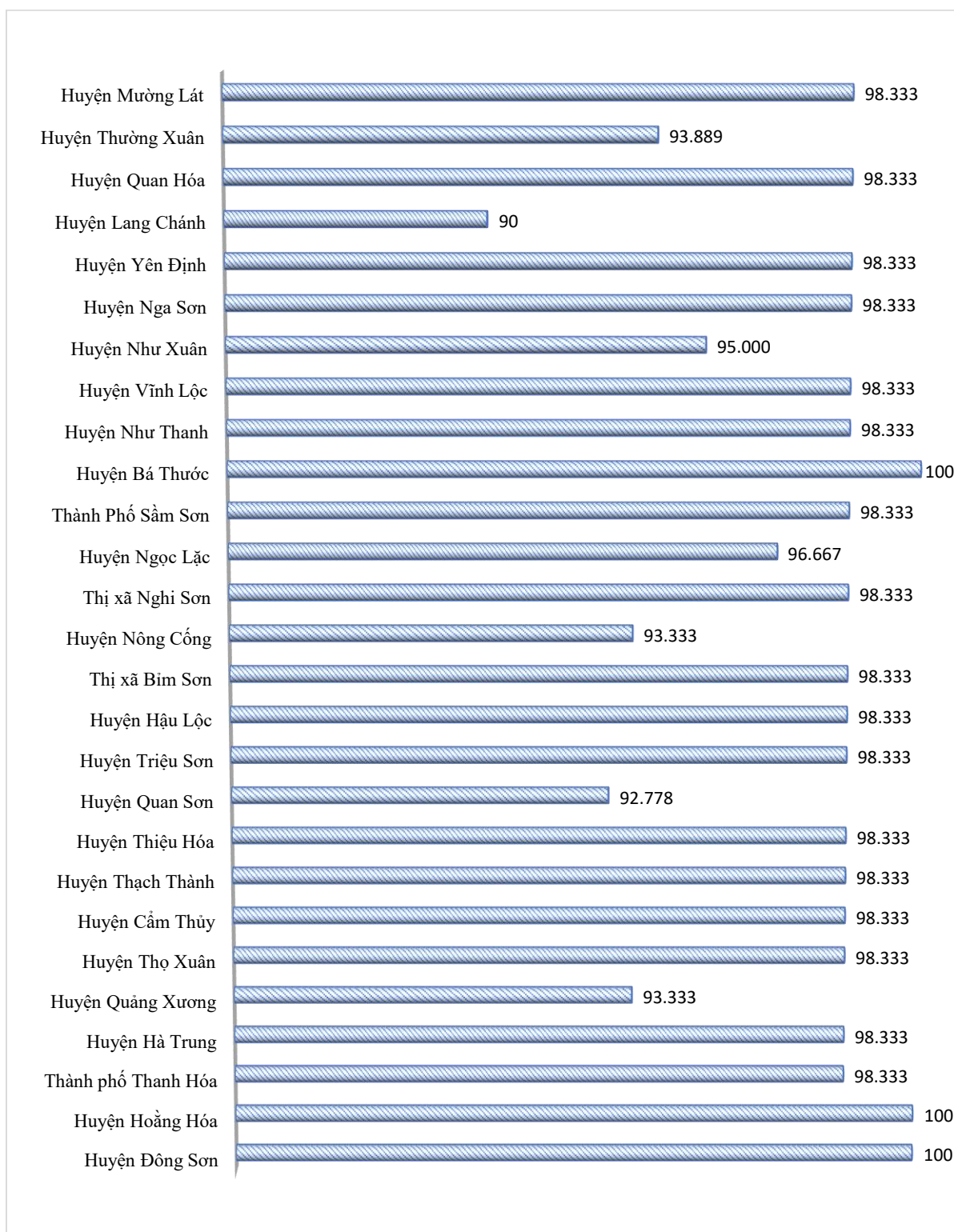


Chỉ số trung bình ở tiêu chí này đạt 83,18 % đơn vị đạt giá trị cao nhất (giá trị tuyệt đối) tại tiêu chí này là: Huyện Thường Xuân, huyện Quảng Xương,

huyện Hoàng Hóa. Đơn vị thấp nhất là huyện Hậu Lộc với 64,656%.

## 2.8. Chỉ số điều tra xã hội học

**Biểu đồ 22. Lĩnh vực điều tra xã hội học.**



Chỉ số trung bình của tiêu chí này đạt 96,61%, tăng 0,67% so với năm

2021. Đây là tiêu chí do văn phòng UBND tỉnh thực hiện đánh giá dựa trên đánh giá, lấy ý kiến của các cá nhân, tập thể, công dân khi tham gia giải quyết TTHC. Có thể thấy, những nỗ lực của các đơn vị trong quá trình rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thành phần hồ sơ và các yêu cầu, điều kiện TTHC đã giúp cho người dân, doanh nghiệp dễ hiểu, dễ thực hiện, cùng với sự cải tiến, đổi mới quy trình giải quyết trên cơ sở tăng cường ứng dụng CNTT đã giúp quá trình giải quyết hồ sơ ngày càng công khai, minh bạch góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức trong quá trình thực hiện TTHC.

## **Phần thứ ba**

### **KẾT LUẬN**

#### **I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

##### **1. Nhận xét chung**

Năm 2022, giá trị trung bình Chỉ số CCHC của các sở và giá trị trung bình Chỉ số CCHC của các huyện tương đồng, không chênh lệch nhiều như các năm. Điều này thể hiện sự nghiêm túc trong chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND tỉnh; sự nhận thức ý nghĩa, vai trò quan trọng và những quyết tâm chính trị của người đứng đầu cấp cấp, các ngành. Kết quả chỉ số CCHC năm 2022, chỉ phản ánh tương đối khách quan kết quả triển khai CCHC thực tế của các sở; các huyện và là nguồn thông tin quan trọng giúp các sở, các huyện nhận biết được những mặt mạnh để phát huy, mặt yếu của mình để khắc phục trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trong năm 2023; từ đó rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp cụ thể để cải thiện Chỉ số CCHC năm 2022 và các năm tiếp theo.

##### **2. Ưu điểm và hạn chế**

###### **2.1. Ưu điểm**

Thực hiện đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC trên phần mềm thể hiện nhiều ưu việt, phù hợp với xu thế chung trong xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử.

Các sở, các huyện đã nghiêm túc triển khai công tác tự đánh giá, chấm điểm và kịp thời gửi kết quả về Sở Nội vụ. Việc chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng bảo đảm độ tin cậy cao, có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của Sở Nội vụ với các sở, các huyện, tạo sự đồng

thuận, thống nhất trong đánh giá.

Công tác thẩm định được tổ chức nghiêm túc, phát huy được sự tham gia, phối hợp của các sở trong đánh giá kết quả CCHC, bảo đảm việc đánh giá, chấm điểm các sở, các huyện một cách khách quan, công bằng. Kết quả đánh giá đã có sự đồng thuận, thống nhất cao của các thành viên Tổ thẩm định.

## **2.2. Hạn chế**

Một số sở, huyện vẫn chưa thực sự quan tâm đến triển khai các nội dung cải cách hành chính. Chỉ số CCHC vẫn chưa được coi là công cụ trong quản lý công tác cải cách hành chính, do vậy chưa có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời để chấn chỉnh, cải thiện những điểm còn hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong Chỉ số CCHC hàng năm.

Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu cải cách hành chính và các cơ quan liên quan trong sở, huyện chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

Một số sở, huyện tự đánh giá chấm điểm thiếu chính xác nên sau khi rà soát, thẩm định đã có sự chênh lệch lớn giữa điểm tự chấm và điểm đánh giá của Sở Nội vụ. Nhiều đơn vị triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo nên ảnh hưởng đến tiến độ và thời gian.

## **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị các sở, các huyện căn cứ Chỉ số CCHC năm 2022, tổ chức phổ biến, tuyên truyền về kết quả Chỉ số CCHC trong phạm vi sở, huyện để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cải cách hành chính. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2022; xác định giải pháp, biện pháp trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm nhằm duy trì hoặc cải thiện Chỉ số CCHC của đơn vị trong những năm tiếp theo.

2. Đề nghị các sở, các huyện tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm để kết quả Chỉ số CCHC được xác định chính xác, khách quan và được công bố đúng thời gian quy định. Tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất hơn để có kết quả khách quan, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được.

3. Các sở, các huyện tăng cường công tác quản lý nhà nước, chú trọng công tác theo dõi, đánh giá, tổng hợp, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý phục vụ cho công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác xác định Chỉ số CCHC nói riêng./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT; CCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Huy**

**DANH MỤC BẢNG**

<b>TIÊU CHÍ</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Bảng 1	Kết quả chỉ số CCHC các sở, ngành	4
Bảng 2	Điểm theo từng tiêu chí thành phần chỉ số CCHC cấp sở	7
Bảng 3	Kết quả chỉ số CCHC cấp huyện	18
Bảng 4	Điểm theo từng tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC cấp huyện	22

**DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

<b>TIÊU CHÍ</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Biểu đồ 1	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở	5
Biểu đồ 2	Giá trị trung bình chỉ số CCHC của các sở giai đoạn 2018-2022	6
Biểu đồ 3	Giá trị trung bình các chỉ số thành phần của sở năm 2022	9
Biểu đồ 4	Chỉ số nội dung chỉ đạo, điều hành cấp sở	10
Biểu đồ 5	Lĩnh vực tham mưu cho UBND tỉnh về xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế của sở, ngành	11
Biểu đồ 6	Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính cấp sở	12
Biểu đồ 7	Lĩnh vực tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cấp sở.	13
Biểu đồ 8	Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức cấp sở	14
Biểu đồ 9	Lĩnh vực cải cách tài chính công cấp sở	15
Biểu đồ 10	Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính cấp sở	16
Biểu đồ 11	Lĩnh vực điều tra xã hội học cấp sở	17
Biểu đồ 12	Giá trị trung bình chỉ số CCHC của các huyện giai đoạn 2018-2022.	20
Biểu đồ 13	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các huyện	21
Biểu đồ 14	Giá trị trung bình các chỉ số thành phần cấp huyện năm 2022	24
Biểu đồ 15	Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC cấp huyện	25
Biểu đồ 16	Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL cấp huyện	26
Biểu đồ 17	Lĩnh vực TTHC cấp huyện	27
Biểu đồ 18	Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cấp huyện	28
Biểu đồ 19	Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện	29
Biểu đồ 20	Lĩnh vực cải cách tài chính công cấp huyện	30
Biểu đồ 21	Lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử cấp huyện	31
Biểu đồ 22	Lĩnh vực điều tra xã hội học cấp huyện	32